

ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

Ghi chú:

- **Chữ nghiêng đậm** là nội dung sửa đổi, bổ sung trong Dự thảo Điều lệ;
- **Chữ nghiêng đậm có gạch chân** là Điều hoàn toàn mới, được bổ sung trong Dự thảo Điều lệ;
- **Chữ nghiêng không đậm** là tích hợp từ Điều 15, 17, 18 Điều lệ hiện hành và Mục 13, 14, 15 Hướng dẫn thi hành Điều lệ hiện hành, tiếp thu từ kết quả tổ chức các hội thảo quốc gia và kết quả nghiên cứu của Viện Công nhân và công đoàn để biên tập lại vào các Điều của Dự thảo Điều lệ CĐVN (sửa đổi, bổ sung);
- **Chữ nghiêng có gạch ngang** trong Điều lệ hiện hành là nội dung bỏ đi không có trong Dự thảo Điều lệ (sửa đổi, bổ sung).

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	
LỜI NÓI ĐẦU Công đoàn Việt Nam tiền thân là Tổng Công hội đỏ Bắc kỳ, được thành lập ngày 28 tháng 7 năm 1929. Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân và người lao động, do người lao động tự nguyện lập ra nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết lực lượng, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh; phát huy truyền thống đoàn kết quốc tế, vì hoà bình, dân chủ, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Công đoàn Việt Nam có tính chất giai cấp của giai cấp công nhân và tính chất quần chúng, là thành viên của hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có quan hệ hợp tác với Nhà nước, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ	LỜI NÓI ĐẦU Công đoàn Việt Nam tiền thân là Tổng Công hội đỏ Bắc kỳ, được thành lập ngày 28 tháng 7 năm 1929. Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân và của người lao động, là tổ chức đại diện lớn nhất của người lao động, do người lao động tự nguyện lập ra, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết lực lượng, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh; đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
nghĩa Việt Nam. Công đoàn Việt Nam trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân trên cơ sở gắn với lợi ích của quốc gia, dân tộc; có chức năng đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. <i>HUY HIỆU CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</i> 1. Bánh xe răng công nghiệp có 13 răng màu đen không bị che lấp, đặt ở trung tâm quả địa cầu, phía trên bánh xe răng công nghiệp có Quốc kỳ Việt Nam ở chính giữa. 2. Thước cặp màu đen đặt bên trong bánh xe răng công nghiệp, trên nền màu xanh da trời. 3. Quyển sách màu trắng đặt chính giữa, phía trước, bên dưới bánh xe răng công nghiệp. 4. Toàn bộ hình tròn lớn có nền màu vàng kim loại, đường kính tuyến, vĩ tuyến màu trắng. 5. Phía dưới là băng dài lụa cuốn cách điệu màu xanh công nhân, bên trong dài lụa có chữ "CĐVN".	Công đoàn Việt Nam có tính chấtgiai cấp của giai cấp công nhân và tính chất quần chúng, là thành viên của hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có quan hệ hợp tác với Nhà nước, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công đoàn Việt Nam trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, luôn gắn với lợi ích quốc gia, dân tộc, giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết quốc tế, vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
Chương I ĐOÀN VIÊN VÀ CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN	Chương I ĐOÀN VIÊN VÀ CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN
Điều 1. Đối tượng và điều kiện gia nhập Công đoàn Việt Nam 1. Người Việt Nam làm công hưởng lương trong các đơn vị sử dụng lao động hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam và người Việt Nam lao động tự do hợp pháp, không phân biệt nghề nghiệp, giới tính, tín ngưỡng, tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, tự nguyện sinh hoạt trong một tổ chức cơ sở của công đoàn, đóng đoàn phí theo quy định thì được gia nhập Công đoàn Việt Nam. 2. Khuyến khích người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người nước ngoài lao động hợp pháp tại Việt Nam, tham gia các hình thức tập hợp của tổ chức Công đoàn Việt Nam. 3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn chi tiết Điều này.	Điều 1. Đối tượng và điều kiện gia nhập Công đoàn Việt Nam <i>1. Người Việt Nam làm công hưởng lương trong các đơn vị sử dụng lao động, người lao động tự do hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, được xem xét gia nhập Công đoàn Việt Nam khi có đủ các điều kiện sau:</i> <i>a. Tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam.</i> <i>b. Có đơn tự nguyện tham gia hoạt động tại một công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở.</i> <i>c. Hiện không là thành viên tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam.</i> 2. Khuyến khích người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người nước ngoài lao động hợp pháp tại Việt Nam tham gia các hình thức tập hợp do Công đoàn Việt Nam <i>tổ chức</i>. 3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn chi tiết Điều này.
Điều 2. Quyền và nhiệm vụ của đoàn viên 1. Quyền của đoàn viên a. Được tham gia thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở và hoạt động công đoàn theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam. b. Được yêu cầu công đoàn đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng khi bị xâm phạm. c. Được thông tin, thảo luận, đề xuất và biểu quyết công việc của tổ chức công đoàn; ứng cử, đề cử, bầu cử cơ quan lãnh đạo của tổ chức công đoàn; chất vấn cán bộ công đoàn; kiến nghị xử lý kỷ luật cán bộ công đoàn có sai phạm. Những đoàn viên ưu tú được giới thiệu để Đảng xem xét kết nạp. d. Được phổ biến đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính	Điều 2. Quyền và nhiệm vụ của đoàn viên 1. Quyền của đoàn viên a. Được tham gia thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở và hoạt động công đoàn theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam. b. Được yêu cầu công đoàn đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng khi bị xâm phạm. c. Được thông tin, thảo luận, đề xuất, biểu quyết, công việc của tổ chức công đoàn; được ứng cử, đề cử, bầu cử cơ quan lãnh đạo của tổ chức công đoàn; chất vấn cán bộ công đoàn; kiến nghị xử lý kỷ luật cán bộ công đoàn có sai phạm. Những đoàn viên ưu tú được giới thiệu để Đảng xem xét, kết nạp. d. Được <i>tuyên truyền</i>, phổ biến đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng,

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công đoàn và người lao động; được đề xuất với tổ chức công đoàn kiến nghị người sử dụng lao động thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật. đ. Được công đoàn hướng dẫn, tư vấn, trợ giúp pháp lý miễn phí về pháp luật lao động, công đoàn; được công đoàn đại diện tham gia tố tụng trong các vụ án lao động để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng theo quy định của pháp luật. e. Được công đoàn thăm hỏi, giúp đỡ khi ốm đau, khó khăn, hoạn nạn; được tham gia các hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí, du lịch do công đoàn tổ chức; đoàn viên ưu tú được ưu tiên xét vào học tại các trường, lớp do công đoàn tổ chức; được công đoàn hướng dẫn, giúp đỡ tìm việc làm, học nghề. g. Được cấp thẻ đoàn viên công đoàn và được hưởng ưu đãi khi sử dụng dịch vụ từ các thiết chế công đoàn, các hình thức liên kết, hợp tác khác của công đoàn. h. Đoàn viên bị mất việc làm, được tạm dừng sinh hoạt công đoàn và tạm dừng đóng đoàn phí công đoàn, nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày mất việc làm. i. Được nghỉ sinh hoạt công đoàn khi nghỉ hưu, được công đoàn cơ sở nơi làm thủ tục về nghỉ và công đoàn địa phương nơi cư trú giúp đỡ khi có khó khăn; được tham gia sinh hoạt câu lạc bộ hưu trí, ban liên lạc hưu trí do công đoàn hỗ trợ. 2.Nhiệm vụ của đoàn viên a. Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. b. Chấp hành và thực hiện Điều lệ Công đoàn Việt Nam, nghị quyết của công đoàn các cấp, tham gia các hoạt động và sinh hoạt công đoàn, đóng đoàn phí theo quy định. c. Không ngừng học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp; rèn luyện phẩm chất giai cấp công nhân. d.Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong lao động và trong cuộc sống;bảo	chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến đoàn viên, người lao động và hoạt động công đoàn; được đề xuất với tổ chức công đoàn kiến nghị người sử dụng lao động thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật. đ. Được công đoàn hướng dẫn, tư vấn, trợ giúp pháp lý miễn phí về pháp luật lao động, công đoàn; được công đoàn đại diện tham gia tố tụng trong các vụ án lao động để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng theo quy định của pháp luật. e. Được công đoàn thăm hỏi, giúp đỡ khi ốm đau, khó khăn, hoạn nạn; được tham gia các hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí, du lịch do công đoàn tổ chức; được công đoàn hướng dẫn, giúp đỡ tìm việc làm, học nghề; g. Được cấp thẻ đoàn viên công đoàn và được hưởng cácưu đãi của tổ chức công đoàn. h. Đoàn viên bị mất việc làm tạm thời, được tạm dừng sinh hoạt và đóng đoàn phí; đoàn viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, được xem xét miễn giảm đoàn phí công đoàn theo quy định. i. Được ban chấp hành công đoàn nơi đoàn viên tiếp tục làm việc theo hợp đồng lao động sau khi đã nghỉ hưu xem xét tiếp tục là đoàn viên công đoàn nếu có nguyện vọng. 2.Nhiệm vụ của đoàn viên a. Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. b. Chấp hành và thực hiện Điều lệ Công đoàn Việt Nam, nghị quyết của công đoàn các cấp, tham gia các hoạt động và sinh hoạt công đoàn, đóng đoàn phí theo quy định. c. Không ngừng học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp; rèn luyện phẩm chất giai cấp công nhân, tác phong làm việc công nghiệp. d.Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong lao động và trong cuộc sống;bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động và tổ chức

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và tổ chức công đoàn; không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc; tham gia xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phát triển vững mạnh. đ. Tuyên truyền, vận động người lao động gia nhập Công đoàn Việt Nam và tham gia xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh.	công đoàn; không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc; tham gia xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phát triển vững mạnh. đ. Tuyên truyền, vận động người lao động gia nhập Công đoàn Việt Nam và tham gia xây dựng tổ chức công đoàn, hệ thống chính trị vững mạnh. 3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết Điều này.
Điều 3. Thủ tục gia nhập Công đoàn Việt Nam, thẻ đoàn viên và chuyển sinh hoạt công đoàn 1. Thủ tục gia nhập Công đoàn Việt Nam a. Người lao động phải có đơn tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam. b. Ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở xem xét, quyết định theo ông nhận hoặc kết nạp đoàn viên công đoàn. c. Nơi chưa có tổ chức công đoàn, người lao động nộp đơn gia nhập Công đoàn Việt Nam thông qua ban vận động thành lập công đoàn cơ sở theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này, hoặc nộp đơn cho công đoàn cấp trên để được xem xét gia nhập Công đoàn Việt Nam. d. Đoàn viên đã ra khỏi tổ chức công đoàn, nếu tiếp tục có nguyện vọng gia nhập Công đoàn Việt Nam thì phải có đơn xin gia nhập lại tổ chức Công đoàn, do công đoàn cấp trên xem xét kết nạp lại. 2. Thẻ đoàn viên a. Thẻ đoàn viên là sự xác nhận tư cách đoàn viên của tổ chức công đoàn với một cá nhân cụ thể. b. Người là đoàn viên công đoàn được tổ chức công đoàn phát thẻ đoàn viên để sử dụng trong các hoạt động công đoàn. Người có thẻ đoàn viên được hưởng các quyền và lợi ích theo quy định của các cấp công đoàn. c. Việc quản lý và sử dụng thẻ thực hiện theo quy định của Đoàn Chủ tịch	Điều 3. Thủ tục gia nhập Công đoàn Việt Nam, thẻ đoàn viên và chuyển sinh hoạt công đoàn 1. Thủ tục gia nhập Công đoàn Việt Nam a. Người lao động phải có đơn tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam. b. Ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở xem xét, quyết định kết nạp đoàn viên công đoàn. c. Nơi chưa có tổ chức công đoàn, người lao động nộp đơn gia nhập Công đoàn Việt Nam thông qua ban vận động thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này, hoặc nộp đơn cho công đoàn cấp trên để được xem xét việc gia nhập Công đoàn Việt Nam. d. Người lao động là thành viên tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp muốn gia nhập Công đoàn Việt Nam phải có đơn, tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam và không là thành viên tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp kể từ thời điểm được công nhận là thành viên của Công đoàn Việt Nam”. đ. Đoàn viên đã ra khỏi tổ chức công đoàn, nếu có đơn gia nhập lại Công đoàn Việt Nam thì ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở xem xét kết nạp lại. Trường hợp đoàn viên bị kỷ luật khai trừ, nếu có đủ điều kiện theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, có đơn xin gia nhập lại công đoàn thì ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở đề nghị công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét, kết nạp lại.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
Tổng Liên đoàn. 3. Chuyển sinh hoạt công đoàn Khi thay đổi nơi làm việc, đoàn viên thông báo với công đoàn cơ sở hoặc sinh hoạt hoặc nghiệp đoàn cơ sở nơi đang sinh hoạt về việc chuyển sinh hoạt công đoàn; trình thẻ đoàn viên và bày tỏ nguyện vọng sinh hoạt công đoàn đối với ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc nghiệp đoàn cơ sở nơi đến, để được tiếp tục sinh hoạt. Ban chấp hành công đoàn nơi sinh hoạt cũ của đoàn viên gạch tên và ghi giảm số lượng; ban chấp hành công đoàn nơi sinh hoạt mới bổ sung tên và ghi tăng số lượng.	2. Thẻ đoàn viên a. Thẻ đoàn viên là sự xác nhận tư cách đoàn viên của tổ chức công đoàn với một cá nhân cụ thể. b. Người là đoàn viên công đoàn được tổ chức công đoàn phát thẻ đoàn viên để sử dụng trong các hoạt động công đoàn. Người có thẻ đoàn viên được hưởng các quyền và lợi ích theo quy định của các cấp công đoàn. c. Việc quản lý và sử dụng thẻ thực hiện theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. 3. Chuyển sinh hoạt công đoàn Khi thay đổi nơi làm việc, đoàn viên thông báo với công đoàn cơ sở hoặc nghiệp đoàn cơ sở nơi đang sinh hoạt về việc chuyển sinh hoạt công đoàn; trình thẻ đoàn viên với ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc nghiệp đoàn cơ sở nơi đến, để được tiếp tục sinh hoạt.
Điều 4. Cán bộ công đoàn 1. Cán bộ công đoàn là người đảm nhiệm các chức danh từ tổ phó công đoàn trở lên thông qua bầu cử tại đại hội hoặc hội nghị công đoàn; được cấp có thẩm quyền chỉ định, công nhận, tuyển dụng, bổ nhiệm vào các chức danh cán bộ công đoàn hoặc được giao nhiệm vụ thường xuyên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. 2. Cán bộ công đoàn gồm có cán bộ công đoàn chuyên trách và cán bộ công đoàn không chuyên trách. a. Cán bộ công đoàn chuyên trách là người được cấp có thẩm quyền chỉ định, tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc được đại hội, hội nghị công đoàn các cấp bầu ra để đảm nhiệm công việc thường xuyên trong tổ chức công đoàn. b. Cán bộ công đoàn không chuyên trách là người làm việc kiêm nhiệm, do đoàn viên tín nhiệm bầu và được cấp có thẩm quyền của công đoàn công nhận hoặc chỉ định vào các chức danh từ tổ phó công đoàn trở lên.	Điều 4. Cán bộ công đoàn 1. Cán bộ công đoàn được hưởng phụ cấp trách nhiệm lãnh đạo, quản lý gồm: a. Là người được đại hội, hội nghị công đoàn các cấp bầu ra hoặc được cấp có thẩm quyền chỉ định, công nhận từ tổ công đoàn trở lên. b. Là người được tuyển dụng, bổ nhiệm, làm việc tại cơ quan Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở (nếu có). 2. Cán bộ công đoàn có thể làm việc chuyên trách hoặc không chuyên trách. 3. Cán bộ công đoàn làm việc tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nếu đủ điều kiện về năng lực, trình độ, tiêu chuẩn, uy tín theo quy định của Tổng Liên đoàn thì có thể được cấp có thẩm quyền của công đoàn xét tuyển, điều động, bổ trí làm các công việc phù hợp tại các cơ quan của công đoàn. 4. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết Điều này.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ công đoàn 1. Nhiệm vụ a. Liên hệ mật thiết với đoàn viên và người lao động; lắng nghe ý kiến, kiến nghị của đoàn viên và người lao động để giải quyết hoặc báo cáo, phản ánh kịp thời với người có thẩm quyền xem xét giải quyết. b. Tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; chấp hành chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nội quy, quy chế của đơn vị; tích cực học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ. c. Nêu gương về mọi mặt đối với đoàn viên và người lao động; tích cực bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng và tổ chức Công đoàn Việt Nam. d. Đại diện người lao động đối thoại, thương lượng tập thể theo quy định của pháp luật. đ. Phát triển đoàn viên và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh. e. Đấu tranh chống các biểu hiện vi phạm đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của công đoàn các cấp. g. Thực hiện các nhiệm vụ khác do tổ chức công đoàn phân công. 2. Quyền hạn a. Là người đại diện theo pháp luật hoặc theo uỷ quyền, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động. b. Được thực hiện các quyền của cán bộ công đoàn theo quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước và các quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. c. Được bảo đảm điều kiện hoạt động công đoàn tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật. Được tổ chức công đoàn bảo vệ, giúp đỡ, hỗ trợ <i>khi gặp khó khăn</i> trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. d. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ công tác công đoàn. đ. Được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, Nhà nước và tổ chức Công đoàn. <i>e. Cán bộ công đoàn không chuyên trách khi có đủ điều kiện theo quy định và</i>	Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ công đoàn 1. Nhiệm vụ a. Liên hệ mật thiết với đoàn viên và người lao động; lắng nghe ý kiến, kiến nghị của đoàn viên và người lao động để giải quyết hoặc báo cáo, phản ánh kịp thời với người có thẩm quyền xem xét giải quyết. b. Tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; chấp hành chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nội quy, quy chế của đơn vị; tích cực học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ. c. Nêu gương về mọi mặt đối với đoàn viên, người lao động; tích cực bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng và tổ chức Công đoàn Việt Nam. d. Đại diện người lao động đối thoại, thương lượng tập thể theo quy định của pháp luật. đ. Phát triển, <i>quản lý</i> đoàn viên và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh; <i>thu hút, tập hợp thành viên và tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp gia nhập Công đoàn Việt Nam.</i> e. Đấu tranh chống các biểu hiện vi phạm đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của công đoàn các cấp. g. Thực hiện các nhiệm vụ khác do tổ chức công đoàn phân công. 2. Quyền hạn a. Là người đại diện theo pháp luật hoặc theo uỷ quyền, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động. b. Được thực hiện các quyền của cán bộ công đoàn theo quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước và các quy định của Tổng Liên đoàn. c. Được bảo đảm điều kiện hoạt động công đoàn tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật. <i>d. Được tổ chức công đoàn bảo vệ, giúp đỡ, hỗ trợ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.</i> đ. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, công tác công đoàn. e. Được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, Nhà nước và tổ chức Công đoàn.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
<i>có nguyện vọng, được xem xét ưu tiên tuyển dụng làm cán bộ công đoàn chuyên trách.</i>	
	<u>Điều 6. Miễn nhiệm và bãi nhiệm cán bộ công đoàn cấp cơ sở</u> 1. Cán bộ công đoàn cơ sở vì lý do cá nhân không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thì ban chấp hành công đoàn cơ sở báo cáo và đề nghị công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định miễn nhiệm. 2. Cán bộ công đoàn cơ sở không đủ uy tín đối với đoàn viên thì ban chấp hành công đoàn cơ sở lấy phiếu tín nhiệm và đề nghị công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định bãi nhiệm. 3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết điều này.
Chương II NGUYÊN TẮC VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM	Chương II NGUYÊN TẮC VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM
Điều 6. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động 1. Công đoàn Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; cơ quan lãnh đạo công đoàn các cấp do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức. 2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công đoàn Việt Nam là Đại hội Đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của mỗi cấp công đoàn là đại hội công đoàn cấp đó. Cơ quan lãnh đạo của công đoàn mỗi cấp giữa hai kỳ đại hội là ban chấp hành. 3. Nghị quyết của công đoàn các cấp được thông qua theo đa số và phải được thi hành nghiêm chỉnh.	Điều 7. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động 1. Công đoàn Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; cơ quan lãnh đạo công đoàn các cấp do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức. 2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công đoàn Việt Nam là Đại hội Công đoàn Việt Nam. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của mỗi cấp công đoàn là đại hội công đoàn cấp đó. Cơ quan lãnh đạo của công đoàn mỗi cấp giữa hai kỳ đại hội là ban chấp hành. 3. Nghị quyết của công đoàn các cấp được thông qua theo đa số và phải được thi hành nghiêm chỉnh.
	<u>Điều 8. Huy hiệu, Cờ, Bài hát truyền thống Công đoàn Việt Nam</u>

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	<i>Công đoàn Việt Nam sử dụng thống nhất Huy hiệu, Cờ, Bài hát truyền thống, Trang phục theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.</i>
Điều 7. Hệ thống tổ chức công đoàn các cấp Công đoàn Việt Nam là tổ chức thống nhất, có các cấp sau đây: 1. Cấp Trung ương: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng Liên đoàn). 2. Cấp tỉnh, ngành trung ương gồm: Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; công đoàn ngành trung ương và tương đương. 3. Cấp trên trực tiếp cơ sở gồm: a. Liên đoàn lao động huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là liên đoàn lao động cấp huyện); b. Công đoàn ngành địa phương; c. Công đoàn các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (sau đây gọi chung là công đoàn các khu công nghiệp); d. Công đoàn tổng công ty; đ. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác. 4. Cấp cơ sở gồm: Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở (sau đây gọi chung là công đoàn cơ sở).	Điều 9. Hệ thống tổ chức công đoàn các cấp Công đoàn Việt Nam là tổ chức thống nhất, có các cấp sau đây: 1. Cấp Trung ương: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (gọi tắt là Tổng Liên đoàn). 2. Cấp tỉnh, ngành trung ương gồm: Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; công đoàn ngành trung ương và tương đương. 3. Cấp trên trực tiếp cơ sở gồm: a. Liên đoàn lao động huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là liên đoàn lao động cấp huyện); b. Công đoàn ngành địa phương; c. Công đoàn các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (gọi chung là công đoàn các khu công nghiệp); d. Công đoàn tổng công ty, tập đoàn kinh tế; đ. Công đoàn, ng nghiệp đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác. 4. Cấp cơ sở gồm: Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở (gọi chung là công đoàn cơ sở).
Điều 8. Đại hội công đoàn các cấp 1. Đại hội công đoàn các cấp có nhiệm vụ: a. Tổng kết tình hình thực hiện nghị quyết đại hội công đoàn nhiệm kỳ qua; quyết định phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới. b. Thảo luận, đóng góp ý kiến văn kiện của đại hội công đoàn cấp trên. c. Bầu cử ban chấp hành công đoàn và bầu cử đại biểu đi dự đại hội công đoàn cấp trên. d. Thông qua Điều lệ Công đoàn Việt Nam (đối với Đại hội Công đoàn	Điều 10. Đại hội công đoàn các cấp 1. Đại hội công đoàn các cấp có nhiệm vụ: a. Tổng kết tình hình thực hiện nghị quyết đại hội công đoàn nhiệm kỳ qua; quyết định phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới. b. Thảo luận, đóng góp ý kiến văn kiện của đại hội công đoàn cấp trên. c. Bầu cử ban chấp hành công đoàn và bầu cử đại biểu đi dự đại hội công đoàn cấp trên.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
Việt Nam). 2. Đại hội công đoàn các cấp được tổ chức theo nhiệm kỳ 5 năm 1 lần. Trường hợp khi có đề nghị bằng văn bản của công đoàn cấp dưới, công đoàn cấp trên được điều chỉnh nhiệm kỳ đại hội của công đoàn cấp dưới cho phù hợp với nhiệm kỳ đại hội công đoàn cấp trên nhưng không vượt quá 30 tháng. Đại hội Công đoàn Việt Nam do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn quyết định. 3. Đại hội công đoàn có hai hình thức: Đại hội đại biểu và đại hội toàn thể đoàn viên. 4. Thành phần đại biểu chính thức của đại hội đại biểu gồm: a. Ủy viên ban chấp hành đương nhiệm. b. Đại biểu do công đoàn cấp dưới bầu lên. c. Đại biểu chỉ định với số lượng không quá năm phần trăm (5%) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập. 5. Đại biểu dự đại hội phải được đại hội thẩm tra và biểu quyết công nhận tư cách đại biểu. Người đang trong thời gian chấp hành các hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên, người bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hoặc đang chấp hành bản án hình sự theo quy định pháp luật thì không đủ tư cách đại biểu. 6. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết Điều này.	d. Thông qua Điều lệ Công đoàn Việt Nam (đối với Đại hội Công đoàn Việt Nam). 2. Đại hội công đoàn các cấp được tổ chức theo nhiệm kỳ 5 năm 1 lần. Nhiệm kỳ đại hội công đoàn cấp dưới có thể được điều chỉnh cho phù hợp nhiệm kỳ đại hội công đoàn cấp trên và tình hình thực tế. Đại hội Công đoàn Việt Nam do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn quyết định. 3. Đại hội công đoàn có hai hình thức: Đại hội đại biểu và đại hội toàn thể đoàn viên. 4. Thành phần đại biểu chính thức của đại hội đại biểu gồm: a. Ủy viên ban chấp hành đương nhiệm. b. Đại biểu do công đoàn cấp dưới bầu lên. c. Đại biểu chỉ định với số lượng không quá năm phần trăm (5%) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập. 5. Đại biểu dự đại hội phải được đại hội thẩm tra và biểu quyết công nhận tư cách đại biểu. Người đang trong thời gian chấp hành các hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên, người bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hoặc đang chấp hành bản án hình sự theo quy định pháp luật thì không đủ tư cách đại biểu. 6. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết Điều này.
Điều 9. Hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể công đoàn các cấp 1. Những nơi xét thấy cần thiết và được công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập hội nghị đại biểu hoặc hội nghị toàn thể. Trường hợp không thể tổ chức được hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể thì có thể tổ chức hội nghị ban chấp hành công đoàn mở rộng sau khi có sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp. 2. Nhiệm vụ của hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể công đoàn các cấp a. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết đại hội, bổ sung phương hướng	Điều 11. Hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể công đoàn các cấp 1. Những nơi xét thấy cần thiết và được công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập hội nghị đại biểu hoặc hội nghị toàn thể. Trường hợp không thể tổ chức được hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể thì có thể tổ chức hội nghị ban chấp hành công đoàn mở rộng sau khi có sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp. 2. Nhiệm vụ của hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể công đoàn các cấp a. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết đại hội, bổ sung phương hướng nhiệm vụ và thông qua chương trình, kế hoạch hoạt động của công đoàn.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
nhiệm vụ và thông qua chương trình, kế hoạch hoạt động của công đoàn. b. Bầu cử bổ sung ban chấp hành và bầu đại biểu đi dự đại hội hoặc hội nghị đại biểu công đoàn cấp trên (nếu có). 3. Đại biểu dự hội nghị đại biểu hoặc hội nghị toàn thể thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 8 Điều lệ này.	b. Góp ý kiến vào văn kiện đại hội công đoàn cấp trên (nếu có) c. Bầu cử bổ sung ban chấp hành và bầu đại biểu đi dự đại hội hoặc hội nghị đại biểu công đoàn cấp trên (nếu có). 3. Đại biểu dự hội nghị đại biểu hoặc hội nghị toàn thể thực hiện như quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 10 Điều lệ này.
Điều 10. Nguyên tắc, hình thức bầu cử tại đại hội, hội nghị công đoàn 1. Đại hội, hội nghị công đoàn các cấp hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên được triệu tập tham dự. 2. Hình thức bầu cử gồm: a. Bỏ phiếu kín thực hiện trong các trường hợp: Bầu ban chấp hành và các chức danh của ban chấp hành công đoàn các cấp; bầu ủy ban kiểm tra và các chức danh của ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp; bầu cử tổ trưởng, tổ phó công đoàn và các chức danh cán bộ công đoàn khác; bầu đại biểu dự đại hội công đoàn cấp trên; lấy phiếu giới thiệu các ứng cử viên để đưa vào danh sách bầu cử... b. Biểu quyết giơ tay thực hiện trong các trường hợp: Bầu các cơ quan điều hành, giúp việc đại hội, hội nghị (đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu, ban bầu cử...); thông qua số lượng và danh sách bầu cử. 3. Người trúng cử phải có số phiếu bầu đạt tỷ lệ quá một phần hai (1/2) so với tổng số phiếu thu về và theo nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp. 4. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết Điều này.	Điều 12. Nguyên tắc, hình thức bầu cử tại đại hội, hội nghị công đoàn 1. Đại hội, hội nghị công đoàn các cấp hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên được triệu tập tham dự. 2. Hình thức bầu cử gồm: a. Bỏ phiếu kín thực hiện trong các trường hợp: Bầu ban chấp hành và các chức danh của ban chấp hành công đoàn các cấp; bầu ủy ban kiểm tra và các chức danh của ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp; bầu cử tổ trưởng, tổ phó công đoàn và các chức danh cán bộ công đoàn khác; bầu đại biểu dự đại hội công đoàn cấp trên; lấy phiếu giới thiệu các ứng cử viên để đưa vào danh sách bầu cử... b. Biểu quyết giơ tay thực hiện trong các trường hợp: Bầu các cơ quan điều hành, giúp việc đại hội, hội nghị (đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu, ban bầu cử...); thông qua số lượng và danh sách bầu cử. 3. Người trúng cử phải có số phiếu bầu đạt tỷ lệ quá một phần hai (1/2) so với tổng số phiếu thu về và theo nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp. 4. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết Điều này.
Điều 11. Ban chấp hành công đoàn các cấp 1. Ban chấp hành công đoàn cấp nào do đại hội công đoàn cấp đó bầu ra. a. Ban chấp hành công đoàn cấp dưới phải được công đoàn cấp trên	Điều 13. Ban chấp hành công đoàn các cấp 1. Ban chấp hành công đoàn cấp nào do đại hội công đoàn cấp đó bầu ra, là đại diện của đoàn viên và người lao động cấp đó theo quy định của pháp luật. Ban chấp hành công đoàn cấp dưới phải được công đoàn cấp trên trực tiếp công nhận.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
trực tiếp công nhận. b. Trường hợp cần thiết, công đoàn cấp trên được quyền chỉ định ủy viên ban chấp hành và các chức danh trong ban chấp hành công đoàn cấp dưới, chỉ định ban chấp hành lâm thời và các chức danh trong ban chấp hành lâm thời công đoàn cấp dưới. Thời gian hoạt động của ban chấp hành lâm thời công đoàn không quá 12 tháng. Khi có đề nghị của công đoàn cấp dưới, công đoàn cấp trên có thể điều chỉnh kéo dài thời gian hoạt động của ban chấp hành lâm thời cho phù hợp với kế hoạch đại hội công đoàn các cấp, nhưng tối đa không quá 30 tháng. 2. Ban chấp hành công đoàn các cấp quyết định các vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; chuẩn bị các báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động trước đại hội, hội nghị công đoàn cùng cấp, công đoàn cấp trên và công đoàn cấp dưới. 3. Số lượng ủy viên ban chấp hành công đoàn cấp nào do đại hội công đoàn cấp đó quyết định và không vượt số lượng theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. Trường hợp cần tăng thêm số lượng ủy viên ban chấp hành so với số lượng đã được đại hội biểu quyết thông qua hoặc vượt quá số lượng theo quy định của Tổng Liên đoàn, phải làm văn bản xin ý kiến và được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp trước khi tiến hành, nhưng không vượt quá 10%; trường hợp tăng số lượng ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn, do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn quyết định, nhưng không vượt quá 5%. 4. Khi khuyết ủy viên ban chấp hành công đoàn cấp nào, ban chấp hành công đoàn cấp đó bổ sung hoặc do công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định. Số lượng bổ sung trong nhiệm kỳ đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên không vượt quá một phần hai (1/2), đối với công đoàn cơ sở không vượt quá hai phần ba (2/3) số lượng ủy viên ban chấp hành đã được đại hội quyết định. Trường hợp cần bổ sung vượt quá quy định trên, phải được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp.	2. Công đoàn cấp trên trực tiếp được quyền chỉ định ban chấp hành, ủy viên ban chấp hành và các chức danh trong ban chấp hành công đoàn cấp dưới. Trường hợp chỉ định cả ban chấp hành thì trong thời hạn 12 tháng ban chấp hành được chỉ định phải tổ chức đại hội, hội nghị (đại biểu hoặc toàn thể) để bầu ban chấp hành mới. Công đoàn cấp trên trực tiếp được quyền điều chỉnh thời gian hoạt động của ban chấp hành công đoàn cấp dưới phù hợp với nhiệm kỳ của công đoàn cấp trên. 3. Ban chấp hành công đoàn các cấp quyết định các vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; chuẩn bị các báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động trước đại hội, hội nghị công đoàn cùng cấp, công đoàn cấp trên và công đoàn cấp dưới. 4. Số lượng ủy viên ban chấp hành công đoàn cấp nào do đại hội công đoàn cấp đó quyết định và không vượt số lượng theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. Trường hợp cần tăng thêm số lượng ủy viên ban chấp hành so với số lượng đã được đại hội biểu quyết thông qua hoặc vượt quá số lượng theo quy định của Tổng Liên đoàn, phải xin ý kiến bằng văn bản và được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp trước khi tiến hành quy trình, thủ tục bầu bổ sung theo quy định, nhưng không vượt quá 10%; trường hợp tăng số lượng ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn, do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn quyết định, nhưng không vượt quá 5%. 5. Khi khuyết ủy viên ban chấp hành công đoàn cấp nào, ban chấp hành công đoàn cấp đó làm văn bản xin ý kiến công đoàn cấp trên trực tiếp về số lượng, nhân sự dự kiến bầu bổ sung, khi được công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý thì tiến hành quy trình, thủ tục bầu bổ sung theo quy định, trường hợp đặc biệt có thể do công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định. Số lượng bổ sung trong nhiệm kỳ đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên không vượt quá một phần hai (1/2) số lượng ủy viên ban chấp hành đã được đại hội quyết định. Trường hợp cần bổ sung vượt quá quy định trên, phải được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp. 6. Việc thôi tham gia ban chấp hành công đoàn các cấp a. Trường hợp đương nhiên thôi tham gia ban chấp hành cùng cấp và cấp trên

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
5. Ủy viên ban chấp hành công đoàn các cấp khi nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác; ủy viên ban chấp hành là cán bộ công đoàn chuyên trách khi không còn là chuyên trách công đoàn, thì đương nhiên thôi tham gia ban chấp hành công đoàn cấp đó và công đoàn cấp trên (nếu có), kể từ thời điểm nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác, thôi chuyên trách công đoàn ghi trong quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền. 6. Ủy viên ban chấp hành công đoàn xin thôi tham gia ban chấp hành không thuộc trường hợp quy định tại <i>Khoản 5</i>, Điều này phải làm đơn và gửi ban chấp hành công đoàn cùng cấp xem xét, thống nhất và đề nghị công đoàn cấp trên xem xét, quyết định. Ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn xem xét, quyết định. 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành công đoàn các cấp a. Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động thuộc đối tượng, phạm vi theo phân cấp. b. Tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội công đoàn cùng cấp. c. Thực hiện chủ trương, nghị quyết, quy định của Đảng và công đoàn cấp trên. d. Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn hoạt động đối với công đoàn cấp dưới. đ. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, giải thể, nâng cấp, hạ cấp công đoàn cấp dưới, công nhận ban chấp hành công đoàn cấp dưới. e. Bầu Đoàn Chủ tịch (đối với Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn), bầu ban thường vụ (đối với ban chấp hành công đoàn có từ 09 ủy viên trở lên); bầu các chức danh trong ban chấp hành, ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp. g. Đào tạo, bồi dưỡng và tạo điều kiện cho cán bộ công đoàn hoạt động; hướng dẫn, giúp đỡ, bảo vệ cán bộ công đoàn khi bị xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng; ban chấp hành công đoàn cấp trên đại diện,	(nếu có) bao gồm: - Ủy viên ban chấp hành công đoàn các cấp khi nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc. - Ủy viên ban chấp hành thôi giữ chức danh, chức vụ hoặc chuyển công tác đến nơi khác không thuộc cơ cấu ban chấp hành. - Ủy viên ban chấp hành là cán bộ công đoàn chuyên trách khi không còn là chuyên trách công đoàn. Thời gian thôi tham gia ban chấp hành cùng cấp và cấp trên (nếu có) kể từ thời điểm ghi trong quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền. b. Ủy viên ban chấp hành công đoàn xin thôi tham gia ban chấp hành không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, Khoản 6 Điều này phải làm đơn và gửi ban chấp hành công đoàn cùng cấp xem xét, thống nhất và đề nghị công đoàn cấp trên xem xét, quyết định. Ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn xem xét, quyết định. 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành công đoàn các cấp a. Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động thuộc đối tượng, phạm vi theo phân cấp. b. Tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội công đoàn cùng cấp, công đoàn cấp trên. c. Thực hiện chủ trương, nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công đoàn cấp trên. d. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động đối với công đoàn cấp dưới. đ. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, giải thể, nâng cấp, hạ cấp công đoàn cấp dưới, công nhận ban chấp hành công đoàn cấp dưới. e. Bầu Đoàn Chủ tịch (đối với Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn), bầu ban thường vụ (đối với ban chấp hành công đoàn có từ 09 ủy viên trở lên); bầu các chức danh trong ban chấp hành, ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp. g. Đào tạo, bồi dưỡng và tạo điều kiện cho cán bộ công đoàn hoạt động; hướng dẫn, giúp đỡ, bảo vệ cán bộ công đoàn khi bị xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp,

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
hỗ trợ, giúp đỡ ban chấp hành công đoàn cơ sở thương lượng tập thể, thực hiện quyền tổ chức và lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật. h. Tổ chức chất vấn và trả lời chất vấn của cán bộ, đoàn viên công đoàn tại các hội nghị của ban chấp hành. i. Định kỳ báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động công đoàn cùng cấp với cấp uỷ đảng đồng cấp (nếu có), với công đoàn cấp trên và thông báo cho công đoàn cấp dưới. k. Quản lý tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế công đoàn theo quy định của Nhà nước. 7. Ban chấp hành công đoàn các cấp họp định kỳ 6 tháng 1 lần; nơi không có ban thường vụ, ban chấp hành họp 3 tháng 1 lần; họp đột xuất khi cần.	chính đáng; ban chấp hành công đoàn cấp trên đại diện, hỗ trợ, giúp đỡ ban chấp hành công đoàn cơ sở thương lượng tập thể, thực hiện quyền tổ chức và lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật. h. Tổ chức chất vấn và trả lời chất vấn của cán bộ, đoàn viên công đoàn tại các hội nghị của ban chấp hành. i. Định kỳ báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động công đoàn với cấp uỷ đảng đồng cấp (nếu có), với công đoàn cấp trên trực tiếp và thông báo cho công đoàn cấp dưới. k. Quản lý tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế công đoàn theo quy định của Nhà nước và của Tổng Liên đoàn. 8. Ban chấp hành công đoàn <i>cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên</i> họp định kỳ 6 tháng 1 lần; <i>ban chấp hành công đoàn cơ sở họp 3 tháng 1 lần</i>. Ban Chấp hành công đoàn các cấp họp đột xuất khi cần. 10. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết Điều này.
Điều 12. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, ban thường vụ công đoàn các cấp 1. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, ban thường vụ công đoàn các cấp là cơ quan thường trực của ban chấp hành, do ban chấp hành công đoàn cùng cấp bầu ra; số lượng không quá một phần ba (1/3) tổng số uỷ viên ban chấp hành, gồm có chủ tịch, phó chủ tịch và các uỷ viên. 2. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn chuẩn bị nội dung các hội nghị Ban Chấp hành, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn được ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, chương trình, kết luận... để tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam, các nghị quyết của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn; trực tiếp chỉ đạo hoạt động của bộ máy tham mưu giúp việc tại Cơ quan Tổng Liên đoàn và các đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn; đại diện cho đoàn viên, người lao động kiến nghị với Đảng, Nhà nước những vấn đề liên quan đến người lao động và tổ chức Công đoàn. 3. Ban thường vụ công đoàn các cấp chuẩn bị nội dung các hội nghị	Điều 14. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, ban thường vụ công đoàn các cấp 1. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, ban thường vụ công đoàn các cấp là cơ quan thường trực của ban chấp hành, do ban chấp hành công đoàn cùng cấp bầu ra; số lượng không quá một phần ba (1/3) tổng số uỷ viên ban chấp hành, gồm có chủ tịch, phó chủ tịch và các uỷ viên. 2. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn chuẩn bị nội dung các hội nghị Ban Chấp hành, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn được ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, chương trình, kết luận... để tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam, các nghị quyết của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn; trực tiếp chỉ đạo hoạt động của bộ máy tham mưu giúp việc tại Cơ quan Tổng Liên đoàn và các đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn; đại diện cho đoàn viên, người lao động kiến nghị với Đảng, Nhà nước những vấn đề liên quan đến người lao động và tổ chức Công đoàn. 3. Ban thường vụ công đoàn các cấp chuẩn bị nội dung các hội nghị ban chấp hành. Ban thường vụ công đoàn các cấp được ban hành các kết luận, thông báo,

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
ban chấp hành. Ban thường vụ công đoàn các cấp được ban hành các kết luận, thông báo, quyết định và văn bản khác để chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ban chấp hành; điều hành các hoạt động giữa hai kỳ họp ban chấp hành, báo cáo hoạt động của ban thường vụ tại hội nghị thường kỳ của ban chấp hành; trực tiếp chỉ đạo hoạt động của cơ quan và đơn vị trực thuộc; đại diện cho đoàn viên và người lao động tập hợp các kiến nghị để tham gia với cấp ủy đảng, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, bộ, ngành, hội đồng quản trị, hội đồng thành viên doanh nghiệp cùng cấp; cử đại diện tham gia các cơ quan, tổ chức có liên quan. 4. Thường trực Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ, ban chấp hành (nơi không có ban thường vụ) công đoàn các cấp gồm chủ tịch và các phó chủ tịch, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chủ trương, nghị quyết, kết luận, chương trình công tác của Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ, ban chấp hành; giải quyết công việc thường xuyên của công đoàn cùng cấp; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các hội nghị Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ, ban chấp hành công đoàn cùng cấp. Chủ tịch là người đứng đầu ban chấp hành có trách nhiệm điều hành hoạt động của Đoàn Chủ tịch (Tổng Liên đoàn), ban thường vụ, ban chấp hành, là người đại diện theo pháp luật của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. 5. Chủ tịch công đoàn cấp cơ sở có thể được bầu cử tại đại hội, hội nghị công đoàn cấp cơ sở. Đối tượng, nguyên tắc, thủ tục bầu cử, thực hiện theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. 6. Bầu bổ sung các chức danh trong ban chấp hành công đoàn các cấp a. Khi khuyết Thường trực Đoàn Chủ tịch thì Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn bầu bổ sung trong số ủy viên Đoàn Chủ tịch; khuyết ủy viên Đoàn Chủ tịch thì bầu bổ sung trong số ủy viên Ban Chấp hành theo đề nghị của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. b. Khi khuyết thường trực ban thường vụ thì bầu bổ sung trong số ủy viên ban thường vụ; khuyết ủy viên ban thường vụ thì bầu bổ sung trong số ủy viên ban chấp hành theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. Trường hợp cần thiết, do công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định. c. Nơi không có ban thường vụ, khi khuyết chủ tịch, phó chủ tịch, bầu bổ sung trong số các ủy viên ban chấp hành.	quyết định và văn bản khác để chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ban chấp hành; điều hành các hoạt động giữa hai kỳ họp ban chấp hành, báo cáo hoạt động của ban thường vụ tại hội nghị thường kỳ của ban chấp hành; trực tiếp chỉ đạo hoạt động của cơ quan và đơn vị trực thuộc; đại diện cho đoàn viên và người lao động tập hợp các kiến nghị để tham gia với cấp ủy đảng, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, bộ, ngành, hội đồng quản trị, hội đồng thành viên doanh nghiệp cùng cấp; cử đại diện tham gia các cơ quan, tổ chức có liên quan. 4. Thường trực Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ, ban chấp hành (nơi không có ban thường vụ) công đoàn các cấp gồm chủ tịch và các phó chủ tịch, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chủ trương, nghị quyết, kết luận, chương trình công tác của Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ, ban chấp hành; giải quyết công việc thường xuyên của công đoàn cùng cấp; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các hội nghị Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ, ban chấp hành công đoàn cùng cấp. Chủ tịch là người đứng đầu ban chấp hành có trách nhiệm điều hành hoạt động của Đoàn Chủ tịch (Tổng Liên đoàn), ban thường vụ, ban chấp hành, là người đại diện theo pháp luật của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. 5. Chủ tịch công đoàn cấp cơ sở có thể được bầu cử tại đại hội, hội nghị công đoàn cấp cơ sở. Đối tượng, nguyên tắc, thủ tục bầu cử, thực hiện theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. 6. Bầu bổ sung các chức danh trong ban chấp hành công đoàn các cấp a. Khi khuyết Thường trực Đoàn Chủ tịch thì Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn bầu bổ sung trong số ủy viên Đoàn Chủ tịch; khuyết ủy viên Đoàn Chủ tịch thì bầu bổ sung trong số ủy viên Ban Chấp hành theo đề nghị của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. b. Khi khuyết thường trực ban thường vụ thì bầu bổ sung trong số ủy viên ban thường vụ; khuyết ủy viên ban thường vụ thì bầu bổ sung trong số ủy viên ban chấp hành theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. Trường hợp cần thiết, do công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định. c. Nơi không có ban thường vụ, khi khuyết chủ tịch, phó chủ tịch, bầu bổ sung trong số các ủy viên ban chấp hành.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
số ủy viên ban chấp hành theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. Trường hợp cần thiết, do công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định. c. Nơi không có ban thường vụ, khi khuyết chủ tịch, phó chủ tịch, bầu bổ sung trong số các ủy viên ban chấp hành. 7. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn và ban thường vụ công đoàn các cấp họp định kỳ 2 tháng 1 lần; họp đột xuất khi cần.	7. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn họp định kỳ 2 tháng 1 lần, ban thường vụ công đoàn các cấp họp định kỳ ít nhất 3 tháng 1 lần. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, ban thường vụ công đoàn các cấp họp đột xuất khi cần.
Chương III CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ VÀ NGHIỆP ĐOÀN CƠ SỞ	Chương III CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ VÀ NGHIỆP ĐOÀN CƠ SỞ
Điều 13. Điều kiện thành lập và hình thức tổ chức của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở 1. Công đoàn cơ sở là tổ chức cơ sở của Công đoàn Việt Nam, được thành lập ở một hoặc một số đơn vị sử dụng lao động hoạt động hợp pháp, khi có từ 05 đoàn viên hoặc 05 người lao động trở lên, có đơn tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam. 2. Nghiệp đoàn cơ sở tập hợp những người lao động tự do hợp pháp cùng ngành, nghề, theo địa bàn hoặc theo đơn vị sử dụng lao động, được thành lập khi có từ 05 đoàn viên công đoàn hoặc 05 người lao động trở lên, có đơn tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam. 3. Hình thức tổ chức công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở a. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở không có tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn, công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận, công đoàn cơ sở thành viên. b. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở có tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn. c. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở có công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận. d. Công đoàn cơ sở có công đoàn cơ sở thành viên. 4. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết Điều này.	Điều 15. Điều kiện thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở 1. Công đoàn cơ sở là tổ chức cơ sở của Công đoàn Việt Nam, được thành lập ở một hoặc một số đơn vị sử dụng lao động hoạt động hợp pháp, khi có từ 05 đoàn viên hoặc 05 người lao động trở lên, có đơn tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam. 2. Nghiệp đoàn cơ sở là tổ chức cơ sở của Công đoàn Việt Nam, tập hợp những người lao động tự do hợp pháp cùng ngành, nghề, theo địa bàn hoặc theo đơn vị sử dụng lao động, được thành lập khi có từ 05 đoàn viên hoặc 05 người lao động trở lên, có đơn tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam. 3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết Điều này.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	<u>Điều 16. Hình thức tổ chức của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở</u> 1. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở không có tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn, công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận, công đoàn cơ sở thành viên. 2. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở có tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn. 3. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở có công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận. 4. Công đoàn cơ sở có công đoàn cơ sở thành viên. 5. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết Điều này.
Điều 14. Trình tự, thủ tục thành lập, giải thể công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở 1. Người lao động thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở a. Những nơi chưa có công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, người lao động tự nguyện lập ban vận động thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở (gọi tắt là ban vận động). b. Ban vận động thực hiện tuyên truyền, vận động, tiếp nhận đơn xin gia nhập công đoàn của người lao động. c. Khi có đủ điều kiện thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở theo quy định, thì ban vận động tổ chức đại hội thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở và đăng ký với công đoàn cấp trên theo phân cấp đối tượng tập hợp quy định tại Điều 17 Điều lệ này; công đoàn cấp trên xem xét, công nhận công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở. d. Hoạt động của ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở được tiến hành từ khi có quyết định công nhận của công đoàn cấp trên. 2. Trách nhiệm của công đoàn cấp trên trong việc thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở a. Hỗ trợ người lao động lập ban vận động. b. Hỗ trợ ban vận động về nội dung, phương thức tuyên truyền người lao	Điều 17. Trình tự, thủ tục thành lập, giải thể công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở 1. Người lao động thành lập công đoàn cơ sở a. Những nơi chưa có công đoàn cơ sở, người lao động tự nguyện lập ban vận động thành lập công đoàn cơ sở (gọi tắt là ban vận động). b. Ban vận động thực hiện tuyên truyền, vận động, tiếp nhận đơn gia nhập công đoàn của người lao động. c. Khi có đủ điều kiện thành lập công đoàn cơ sở theo quy định, thì ban vận động tổ chức đại hội thành lập công đoàn cơ sở và đăng ký với công đoàn cấp trên; công đoàn cấp trên xem xét, công nhận công đoàn cơ sở. d. Công đoàn cơ sở hoạt động hợp pháp khi có quyết định công nhận của công đoàn cấp trên. 2. Công đoàn cấp trên xem xét, quyết định thành lập công đoàn cơ sở Những nơi người lao động không đủ khả năng tổ chức ban vận động thành lập công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên có trách nhiệm trực tiếp tuyên truyền, vận động người lao động gia nhập công đoàn và thực hiện các thủ tục kết nạp đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, chỉ định ban chấp hành, ủy ban kiểm tra và các chức danh trong ban chấp hành, ủy ban kiểm tra. 3. Quyền hạn và trách nhiệm của công đoàn cấp trên trong việc thành lập công đoàn cơ sở

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
động gia nhập công đoàn, tổ chức đại hội thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; bầu ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở. c. Xem xét công nhận hoặc không công nhận đoàn viên, công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở và ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở theo quy định. d. Những nơi người lao động không đủ khả năng tổ chức ban vận động thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên có trách nhiệm trực tiếp tuyên truyền, vận động người lao động gia nhập công đoàn và thực hiện các thủ tục kết nạp đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, chỉ định ban chấp hành, ủy ban kiểm tra lâm thời và các chức danh trong ban chấp hành, ủy ban kiểm tra lâm thời. 3. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở không đủ điều kiện tồn tại và hoạt động thì công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét quyết định giải thể, chấm dứt hoạt động. 4. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết Điều này.	a. Hỗ trợ người lao động lập ban vận động. b. Hỗ trợ ban vận động về nội dung, phương thức tuyên truyền người lao động gia nhập công đoàn, tổ chức đại hội thành lập công đoàn cơ sở; bầu ban chấp hành công đoàn cơ sở. c. Xem xét công nhận hoặc không công nhận đoàn viên, công đoàn cơ sở và ban chấp hành công đoàn cơ sở theo quy định. 4. Công đoàn cơ sở không đủ điều kiện tồn tại và hoạt động thì công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét quyết định giải thể, chấm dứt hoạt động <i>hoặc hợp nhất, sáp nhập</i>. 5. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết Điều này.
	<u>Điều 18¹. Gia nhập Công đoàn Việt Nam của tổ chức của Người lao động tại doanh nghiệp</u> <i>1. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp, tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam thì được xem xét việc gia nhập Công đoàn Việt Nam.</i> <i>2. Công đoàn cơ sở doanh nghiệp có trách nhiệm liên kết hoạt động với tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.</i>

¹ Cụ thể hóa quy định của Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05 /11/2016 về thực hiện có hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị-xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở 1. Tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghĩa vụ của công dân; các chủ trương, nghị quyết của Công đoàn. 2. Đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật Nhà nước. 3. Giám sát hoặc tham gia giám sát thực hiện chính sách, pháp luật, nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể và các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật. 4. Phối hợp với đơn vị sử dụng lao động xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức phong trào thi đua, hoạt động văn hóa, xã hội. 5. Tổ chức thực hiện nghị quyết của công đoàn các cấp, chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đoàn viên và cán bộ công đoàn; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo đúng quy định; thực hiện công tác phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại nơi làm việc; xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phát triển bền vững; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh. 6. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết về nhiệm vụ, quyền hạn đối với từng loại hình công đoàn cơ sở.	3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết Điều này. (Bỏ)
	Điều 19. Công đoàn cơ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	1. Công đoàn cơ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập ở một hoặc một số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, do công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở quyết định thành lập hoặc công nhận và chỉ đạo hoạt động. Điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập hoặc giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Điều lệ này. 2. Đối tượng tập hợp của công đoàn cơ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập a. Tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn; tích cực học tập, rèn luyện nâng cao nhận thức chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. b. Phối hợp với thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức hội nghị cán bộ công chức, viên chức; cử đại diện tham gia các hội đồng xét và giải quyết các quyền lợi của đoàn viên và người lao động. Hướng dẫn, giúp đỡ người lao động giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc. Cùng với thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; phối hợp tổ chức các phong trào thi đua trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. c. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích của đoàn viên và người lao động tại cơ quan, đơn vị. Đấu tranh ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Phát hiện và tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp lao động và thực hiện các quyền của công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật. d. Tập hợp, nắm bắt và phản ánh tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; tổ chức, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	<i>nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức, lao động; tham gia quản lý cơ quan, đơn vị, cải tiến lề lối làm việc và thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.</i> <i>đ. Phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng cơ quan, đơn vị phát triển bền vững.</i> <i>e. Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn.</i> <i>g. Thực hiện quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.</i>
	Điều 20. Công đoàn cơ sở đơn vị sự nghiệp ngoài công lập <i>1. Công đoàn cơ sở đơn vị sự nghiệp ngoài công lập được thành lập ở một hoặc một số đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, do công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở quyết định thành lập hoặc công nhận và chỉ đạo hoạt động. Điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập hoặc giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Điều lệ này.</i> <i>2. Đối tượng tập hợp của công đoàn cơ sở đơn vị sự nghiệp là người lao động làm việc trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.</i> <i>3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở trong đơn vị sự nghiệp ngoài công lập</i> <i>a. Tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn, nội quy, quy chế, điều lệ của đơn vị, tích cực học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, pháp luật, khoa học kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ.</i> <i>b. Đại diện người lao động thương lượng, ký kết thoả ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật; xây dựng và ký kết quy chế phối hợp hoạt động với người đứng đầu đơn vị; cử đại diện tham gia các hội đồng của đơn vị có liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; phối hợp tổ chức các phong trào thi đua trong đơn vị.</i> <i>c. Tập hợp, nắm bắt và phản ánh tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của</i>

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	đoàn viên, người lao động; phối hợp tổ chức đối thoại giữa người lao động với người đứng đầu đơn vị nhằm giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động. Phối hợp với người đứng đầu đơn vị tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức hội nghị người lao động; hướng dẫn người lao động giao kết hợp đồng lao động tại đơn vị. d. Tham gia xây dựng và giám sát thực hiện nội quy, quy chế, điều lệ của đơn vị, các chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động. đ. Phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng đơn vị phát triển bền vững. e. Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn. g. Thực hiện quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
	Điều 21. Công đoàn cơ sở doanh nghiệp 1. Công đoàn cơ sở doanh nghiệp được thành lập ở một hoặc một số doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, do công đoàn cấp trên trực tiếp quyết định thành lập hoặc công nhận và chỉ đạo hoạt động. Điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập hoặc giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Điều lệ này. 2. Đối tượng tập hợp của công đoàn cơ sở doanh nghiệp là người lao động làm việc trong doanh nghiệp. 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở doanh nghiệp a. Tư vấn, hướng dẫn người lao động về các chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động; đại diện cho người lao động trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động tại doanh nghiệp; tổ chức, lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật. b. Đại diện cho tập thể người lao động đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, ký kết và giám sát thực hiện thỏa ước lao động tập thể; phối hợp thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức hội nghị người lao động; tổ chức và hướng dẫn hoạt

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	<i>động mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.</i> <i>c. Tham gia xây dựng và giám sát thực hiện thang lương, bảng lương, mức lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng, nội quy lao động và những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động tại doanh nghiệp; thăm hỏi, trợ giúp người lao động bị ốm đau, bệnh tật, tai nạn lao động theo quy định. Tham gia các hội đồng của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp. Phối hợp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức các phong trào thi đua trong doanh nghiệp.</i> <i>d. Tuyên truyền, vận động người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn, nội quy, quy chế, điều lệ của doanh nghiệp; học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp.</i> <i>đ. Phát triển, quản lý đoàn viên, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững.</i> <i>e. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn.</i> <i>g. Thực hiện quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.</i>
	Điều 22. Công đoàn cơ sở hợp tác xã <i>1. Công đoàn cơ sở hợp tác xã (bao gồm cả liên hiệp hợp tác xã), được thành lập ở một hoặc một số hợp tác xã, do công đoàn cấp trên trực tiếp quyết định thành lập hoặc công nhận và chỉ đạo hoạt động. Điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập hoặc giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Điều lệ này.</i> <i>2. Đối tượng tập hợp của công đoàn cơ sở hợp tác xã là người lao động làm việc trong các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (không bao gồm hợp tác xã nông nghiệp).</i> <i>3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở hợp tác xã</i>

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	a. Tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn, nghị quyết đại hội thành viên và điều lệ hợp tác xã; tích cực học tập, rèn luyện nâng cao nhận thức chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. b. Đại diện người lao động thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện thoả ước lao động tập thể; hướng dẫn người lao động (không phải là thành viên của hợp tác xã) giao kết hợp đồng lao động. Giám sát hội đồng quản trị thực hiện chế độ, chính sách, phân phối thu nhập, lợi nhuận đối với thành viên hợp tác xã. c. Tập hợp, giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; tham gia, phối hợp với hội đồng quản trị, lãnh đạo đơn vị chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tham gia giải quyết tranh chấp lao động; thực hiện các quyền của công đoàn cơ sở về tổ chức và lãnh đạo đình công; quản lý mạng lưới an toàn vệ sinh viên và giám sát công tác an toàn, vệ sinh lao động. d. Phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hợp tác xã phát triển bền vững. đ. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn. e. Thực hiện quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của nghiệp đoàn cơ sở <i>1. Đại diện cho đoàn viên quan hệ với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên; tập hợp ý kiến, nguyện vọng của đoàn viên để tìm giải pháp hỗ trợ, giúp đỡ hoặc phản ánh, kiến nghị, đề nghị người có thẩm quyền giải quyết.</i> <i>2. Tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của tổ chức công đoàn; hướng dẫn việc thi hành các chế độ,</i>	Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của nghiệp đoàn cơ sở 1. Nghiệp đoàn cơ sở do công đoàn cấp trên trực tiếp quyết định thành lập hoặc công nhận và chỉ đạo hoạt động. Điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập hoặc giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Điều lệ này. 2. Đối tượng tập hợp của nghiệp đoàn cơ sở là người lao động tự do, hợp pháp hành nghề trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, thương mại, giao thông, vận tải, tiểu thủ công nghiệp, khai thác, chế biến, nuôi trồng thủy sản, hải sản. 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của nghiệp đoàn cơ sở

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
<i>chính sách, pháp luật có liên quan đến đời sống và điều kiện hành nghề của người lao động.</i> <i>3. Tổ chức phát động các phong trào thi đua yêu nước; vận động đoàn viên và người lao động tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội, giúp đỡ nhau trong nghề nghiệp, cuộc sống, đấu tranh phòng ngừa các tệ nạn xã hội.</i> 4. Phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng nghiệp đoàn cơ sở vững mạnh; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh. 5. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật Nhà nước.	<i>a. Đại diện cho đoàn viên đối thoại, thương lượng với các chủ thể liên quan và kiến nghị với chính quyền địa phương, các cơ quan, ban, ngành, cộng đồng dân cư nhằm đảm bảo việc làm, thu nhập, đời sống, an toàn vệ sinh lao động và chính sách an sinh xã hội cho đoàn viên.</i> <i>b. Tập hợp ý kiến, nguyện vọng của đoàn viên để giúp đỡ hoặc kiến nghị người có thẩm quyền giải quyết kịp thời đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên.</i> <i>c. Tuyên truyền, vận động đoàn viên hoàn thành nghĩa vụ trong lao động, thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đoàn viên trong nghề nghiệp và cuộc sống; tham gia, hỗ trợ các cơ quan, ban, ngành, cộng đồng dân cư bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.</i> d. Phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng nghiệp đoàn cơ sở vững mạnh; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh. đ. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn. <i>e. Thực hiện quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.</i>
Chương IV CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ	Chương IV CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ
<i>Điều 17. Thẩm quyền thành lập và đối tượng tập hợp của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở</i> <i>1. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở tổ chức theo đơn vị hành chính, theo ngành, nghề, tổng công ty, tập đoàn kinh tế, do liên đoàn lao động tỉnh, thành phố hoặc công đoàn ngành trung ương quyết định thành lập, giải thể, theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.</i> <i>2. Đối tượng tập hợp của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở gồm:</i> <i>a. Liên đoàn lao động cấp huyện tập hợp người lao động theo địa giới hành chính cấp huyện, trừ đối tượng tập hợp của các công đoàn cấp trên nêu tại các</i>	(Bỏ)

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
điểm b, c, d, đ Khoản 2, Điều này: b. Công đoàn ngành địa phương tập hợp người lao động trong các đơn vị sử dụng lao động theo ngành trên địa bàn tỉnh, thành phố. c. Công đoàn các khu công nghiệp tập hợp người lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. d. Công đoàn tổng công ty, tập đoàn kinh tế, tập hợp người lao động trong các doanh nghiệp thành viên của tổng công ty, tập đoàn kinh tế. đ. Công đoàn cấp trên trực tiếp khác tập hợp người lao động theo đơn vị sử dụng lao động có các cơ quan, đơn vị trực thuộc, như đại học quốc gia, đại học vùng, tổng cục, cơ quan bộ, cơ quan ngang bộ, ngành, đoàn thể cấp trung ương... 3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết Điều này.	
Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở 1. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có các nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu sau: a. Đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật. b. Hướng dẫn, hỗ trợ ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở về nghiệp vụ, kỹ năng, phương pháp, nội dung tổ chức thực hiện nhiệm vụ, các chủ trương, nghị quyết của công đoàn; tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghĩa vụ của công dân và người lao động. c. Hướng dẫn, hỗ trợ công đoàn cơ sở hoặc đại diện cho đoàn viên và người lao động tổ chức đối thoại, thương lượng tập thể theo quy định của pháp luật. d. Chỉ đạo phát triển và quản lý đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; vận động, hỗ trợ thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; đánh giá, xếp loại tổ chức công đoàn hằng năm. đ. Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên và người lao động; tham gia với chính quyền, chuyên môn đồng cấp các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị, doanh nghiệp; tham gia xây dựng Đảng;	(Bỏ)

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
<i>chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh.</i> <i>e. Chủ động hoặc phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách của người lao động; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động.</i> <i>g. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp giữa các công đoàn cấp trên trong việc chỉ đạo hoạt động của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở.</i> <i>h. Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản công đoàn theo quy định của pháp luật Nhà nước.</i> <i>i. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.</i> <i>k. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác.</i> <i>2. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn chi tiết đối với từng loại hình công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.</i>	
	Điều 24. Liên đoàn lao động cấp huyện <i>1. Liên đoàn lao động cấp huyện được thành lập theo đơn vị hành chính cấp huyện, do liên đoàn lao động cấp tỉnh quyết định thành lập và chỉ đạo hoạt động, hoặc giải thể khi không đủ điều kiện hoạt động.</i> <i>2. Đối tượng tập hợp của liên đoàn lao động cấp huyện là đoàn viên, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người lao động tự do hợp pháp trên địa bàn cấp huyện, trừ đoàn viên, người lao động đã phân cấp cho công đoàn ngành địa phương, công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn tổng công ty và công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn cấp trên khác.</i> <i>3. Liên đoàn lao động cấp huyện quyết định thành lập, công nhận hoặc giải thể và chỉ đạo trực tiếp các công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở trên địa bàn theo phân</i>

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	<i>cấp của liên đoàn lao động cấp tỉnh; phối hợp với công đoàn cấp trên khác chỉ đạo các công đoàn cơ sở trực thuộc đang hoạt động trên địa bàn cấp huyện.</i> <i>4. Nhiệm vụ, quyền hạn:</i> <i>a. Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chưa thành lập công đoàn cơ sở khi người lao động yêu cầu. Đại diện cho công đoàn cơ sở hoặc người lao động khởi kiện hoặc tham gia vào các vụ án về lao động và công đoàn khi được công đoàn cơ sở hoặc người lao động uỷ quyền. Hướng dẫn, hỗ trợ, giúp ban chấp hành công đoàn cơ sở trong việc thương lượng, ký kết thoả ước lao động tập thể; giải quyết tranh chấp lao động; tổ chức đối thoại với người sử dụng lao động; tổ chức, lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật.</i> <i>b. Phối hợp với các cơ quan chức năng của nhà nước cấp huyện, công đoàn ngành địa phương và tương đương kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động đối với các cơ sở đóng trên địa bàn; Tham gia xây dựng chính sách của địa phương có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động.</i> <i>c. Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết và chủ trương công tác của liên đoàn lao động cấp tỉnh; chỉ thị, nghị quyết của cấp uỷ đảng và nghị quyết đại hội công đoàn cấp mình.</i> <i>d. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phát triển và quản lý đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở; hướng dẫn xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh và đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở định kỳ hằng năm; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ đối với cán bộ công đoàn.</i> <i>đ. Tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn; tổ chức phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, người lao động. Tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.</i>

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	e. Phối hợp với các công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp chỉ đạo hoạt động công đoàn cơ sở theo ngành nghề hoạt động trên địa bàn cấp huyện (nếu có). g. Triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với đoàn viên, người lao động trên địa bàn. h. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn. i. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.
	Điều 25. Công đoàn ngành địa phương 1. Công đoàn ngành địa phương do liên đoàn lao động cấp tỉnh quyết định thành lập khi có ít nhất 2.000 đoàn viên và 15 công đoàn cơ sở trực thuộc và phải có công đoàn ngành trung ương tương ứng để phối hợp chỉ đạo hoạt động theo ngành nghề. Đối với công đoàn ngành giáo dục, y tế, viên chức không áp dụng tiêu chí số lượng đoàn viên. 2. Liên đoàn lao động cấp tỉnh quản lý và chỉ đạo trực tiếp về tổ chức, cán bộ và hoạt động công đoàn ngành địa phương. Công đoàn ngành địa phương không đủ điều kiện hoạt động, do liên đoàn lao động cấp tỉnh xem xét, quyết định giải thể và hướng dẫn chuyển giao đoàn viên, công đoàn cơ sở cho công đoàn cấp trên trực tiếp khác tiếp nhận, quản lý và chỉ đạo trực tiếp. 3. Đối tượng tập hợp của công đoàn ngành địa phương là đoàn viên, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cùng ngành, nghề trên địa bàn cấp tỉnh, trừ đoàn viên, người lao động đã được phân cấp cho liên đoàn lao động cấp huyện, công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn tổng công ty và công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn cấp trên khác. 4. Công đoàn ngành địa phương quyết định thành lập, công nhận hoặc giải thể và chỉ đạo trực tiếp các công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở theo phân cấp của liên đoàn lao động cấp tỉnh.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	5. Nhiệm vụ, quyền hạn: a. Hướng dẫn, hỗ trợ công đoàn cơ sở liên kết hoạt động công đoàn theo ngành nghề; đại diện người lao động trong ngành thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể ngành theo quy định của pháp luật; đại diện công đoàn cơ sở hoặc người lao động khởi kiện, tham gia vào các vụ án về lao động và công đoàn khi được công đoàn cơ sở hoặc người lao động uỷ quyền; tham gia giải quyết tranh chấp lao động, tổ chức đối thoại với người sử dụng lao động; tổ chức, lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật. b. Tham gia với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp về xây dựng chế độ chính sách, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách có liên quan đến quyền, lợi ích của đoàn viên, người lao động trong ngành. c. Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết và chủ trương công tác của liên đoàn lao động cấp tỉnh; chỉ thị, nghị quyết của cấp uỷ đảng và nghị quyết đại hội công đoàn cấp mình. d. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phát triển và quản lý đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; hướng dẫn xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh và đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở định kỳ hằng năm; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ đối với cán bộ công đoàn. đ. Tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong ngành. e. Phối hợp với liên đoàn lao động cấp huyện hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách theo ngành, nghề; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động trong ngành. g. Triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	đối với đoàn viên, người lao động trong ngành. <i>h. Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn.</i> <i>i. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.</i>
	Điều 26. Công đoàn các khu công nghiệp <i>1. Công đoàn các khu công nghiệp do liên đoàn lao động cấp tỉnh quyết định thành lập khi có ít nhất 2.000 đoàn viên và 15 công đoàn cơ sở đang hoạt động trong các khu công nghiệp.</i> <i>Liên đoàn lao động cấp tỉnh quản lý và chỉ đạo trực tiếp về tổ chức, cán bộ và hoạt động công đoàn các khu công nghiệp. Công đoàn các khu công nghiệp không đủ điều kiện hoạt động, do liên đoàn lao động cấp tỉnh xem xét, quyết định giải thể và hướng dẫn chuyển giao đoàn viên, công đoàn cơ sở cho công đoàn cấp trên trực tiếp khác tiếp nhận, quản lý và chỉ đạo trực tiếp.</i> <i>2. Đối tượng tập hợp của công đoàn các khu công nghiệp là đoàn viên, người lao động trong các đơn vị sử dụng lao động hoạt động trong khu công nghiệp, trừ đoàn viên, người lao động thuộc công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty nhà nước.</i> <i>3. Công đoàn các khu công nghiệp quyết định thành lập, công nhận hoặc giải thể và trực tiếp chỉ đạo công đoàn cơ sở trực thuộc trong các khu công nghiệp.</i> <i>4. Trường hợp địa phương chưa thành lập công đoàn các khu công nghiệp thì liên đoàn lao động cấp tỉnh phân cấp cho công đoàn cấp trên trực tiếp nơi thuận lợi nhất để tập hợp đoàn viên, người lao động và trực tiếp chỉ đạo công đoàn cơ sở trong các khu công nghiệp.</i> <i>5. Nhiệm vụ, quyền hạn</i> <i>a. Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chưa thành lập công đoàn cơ sở khi người lao động yêu cầu. Đại diện công đoàn cơ sở hoặc người lao động khởi kiện hoặc tham gia</i>

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	vào các vụ án về lao động và công đoàn khi được công đoàn cơ sở hoặc người lao động uỷ quyền. b. Hướng dẫn, chỉ đạo các công đoàn cơ sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều lệ; hướng dẫn, hỗ trợ, giúp ban chấp hành công đoàn cơ sở trong việc thương lượng, ký kết thoả ước lao động tập thể; giải quyết tranh chấp lao động, tổ chức đối thoại với người sử dụng lao động; tổ chức, lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật. c. Phối hợp với ban quản lý các khu công nghiệp, cơ quan quản lý lao động địa phương kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật lao động; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của đoàn viên, người lao động trong các khu công nghiệp. d. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phát triển và quản lý đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở; hướng dẫn xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh và đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở định kỳ hằng năm; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ đối với cán bộ công đoàn. đ. Tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, người lao động. e. Triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với đoàn viên, người lao động trong khu công nghiệp. g. Hướng dẫn, chỉ đạo các công đoàn cơ sở thuộc các công đoàn cấp trên khác trong khu công nghiệp theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam. h. Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	i. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.
	Điều 27. Công đoàn tổng công ty, tập đoàn kinh tế 1. Tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước có ít nhất 2.000 đoàn viên và 15 công đoàn cơ sở; tổng công ty, tập đoàn kinh tế ngoài khu vực nhà nước có ít nhất 5.000 đoàn viên được thành lập công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở. 2. Đối tượng tập hợp của công đoàn tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước là đoàn viên và người lao động trong các đơn vị sử dụng lao động thuộc tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước. 3. Tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước do uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập thì công đoàn tổng công ty do liên đoàn lao động tỉnh, thành phố thành lập và chỉ đạo trực tiếp. 4. Tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước do bộ, ngành trung ương thành lập hoặc được phân cấp quản lý thì công đoàn tổng công ty do công đoàn ngành trung ương thành lập và chỉ đạo trực tiếp. 5. Tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc trực tiếp quản lý; Tổng công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân có quy mô từ 30.000 người lao động trở lên nếu có nguyện vọng và đủ điều kiện thành lập thì do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quyết định thành lập, chỉ đạo trực tiếp và quy định về tổ chức bộ máy, phân cấp tài chính tương đương với công đoàn ngành Trung ương. 6. Trường hợp tổng công ty, tập đoàn kinh tế không đủ số lượng đoàn viên, công đoàn cơ sở theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 5, Điều này thì được xem xét, quyết định giải thể hoặc sắp xếp lại theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. 7. Nhiệm vụ, quyền hạn:

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	<i>a. Đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật.</i> <i>b. Hướng dẫn, hỗ trợ ban chấp hành công đoàn cơ sở về nghiệp vụ, kỹ năng, phương pháp, nội dung tổ chức thực hiện nhiệm vụ, các chủ trương, nghị quyết của công đoàn; tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn, thực hiện nghĩa vụ công dân và người lao động.</i> <i>c. Hướng dẫn, hỗ trợ công đoàn cơ sở hoặc đại diện cho đoàn viên và người lao động tổ chức đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật.</i> <i>d. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phát triển và quản lý đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở; hướng dẫn xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh và đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở định kỳ hằng năm; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ đối với cán bộ công đoàn.</i> <i>đ. Phối hợp với lãnh đạo tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức hội nghị người lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên và người lao động ở các đơn vị sử dụng lao động trực thuộc; tham gia xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh; xây dựng tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước phát triển bền vững.</i> <i>e. Chủ động hoặc phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động.</i> <i>g. Triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với đoàn viên, người lao động trong tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước.</i> <i>h. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp giữa các công đoàn cấp</i>

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	trên trong việc chỉ đạo hoạt động của công đoàn cơ sở trực thuộc. i. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn. k. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và ác nhiệm vụ khác theo quy định.
	Điều 28. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác 1. Các trường đại học quốc gia, đại học vùng; cơ quan bộ, cơ quan ngang bộ, các tổng cục, viện nghiên cứu; cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương được thành lập công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khi có ít nhất 1.500 đoàn viên và 15 công đoàn cơ sở, do công đoàn ngành trung ương và tương đương quyết định thành lập và trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động. 2. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác được quyết định thành lập công đoàn cơ sở trực thuộc và trực tiếp chỉ đạo công đoàn cơ sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam. 3. Khi công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác không đủ điều kiện hoạt động thì công đoàn ngành trung ương và tương đương thực hiện sắp xếp lại theo hình thức hạ cấp thành công đoàn cơ sở hoặc giải thể, đồng thời chuyển các công đoàn cơ sở và đoàn viên về công đoàn ngành trung ương và tương đương trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động. 4. Nhiệm vụ, quyền hạn: a. Đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật. b. Tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn, thực hiện nghĩa vụ công dân và người lao động. c. Hướng dẫn, hỗ trợ công đoàn cơ sở hoặc đại diện cho đoàn viên và người lao động tổ chức đối thoại, thương lượng ký kết thỏa ước lao động tập thể (nếu có) theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
	<i>d. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phát triển và quản lý đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở; hướng dẫn xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh và đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở định kỳ hằng năm; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ đối với cán bộ công đoàn.</i> <i>đ. Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên và người lao động; tham gia với chuyên môn đồng cấp các giải pháp thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác; tham gia xây dựng Đảng, chuyên môn trong sạch, vững mạnh.</i> <i>e. Chủ động hoặc phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách của người lao động; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động.</i> <i>g. Triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với đoàn viên, người lao động trong đơn vị.</i> <i>h. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp giữa các công đoàn cấp trên trong việc chỉ đạo hoạt động của công đoàn cơ sở trực thuộc.</i> <i>i. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn.</i> <i>k. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.</i>
Chương V LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH, THÀNH PHỐ, CÔNG ĐOÀN NGÀNH TRUNG ƯƠNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG	Chương V LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG, CÔNG ĐOÀN NGÀNH TRUNG ƯƠNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG
Điều 19. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố 1. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố tổ chức theo đơn vị hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quyết định thành lập hoặc giải thể phù hợp với quy định của pháp luật. 2. Đối tượng tập hợp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố là đoàn viên, người lao động trên địa bàn. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn việc tập hợp đoàn viên, người lao động trong trường hợp đơn vị sử dụng lao	Điều 29. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức theo đơn vị hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quyết định thành lập hoặc giải thể phù hợp với quy định của pháp luật. 2. Đối tượng tập hợp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là đoàn viên, người lao động trên địa bàn tỉnh, thành phố. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn hướng dẫn việc tập hợp đoàn viên, người lao động trong trường hợp đơn vị sử dụng lao

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
động có công ty con, chi nhánh doanh nghiệp, phân hiệu trường... ở địa bàn tỉnh, thành phố khác. 3. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố quyết định thành lập và chỉ đạo trực tiếp các liên đoàn lao động cấp huyện, công đoàn ngành địa phương, công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn tổng công ty (thuộc tỉnh, thành phố) và công đoàn cơ sở trong các đơn vị sử dụng lao động trực thuộc bộ, ban, ngành trung ương không có công đoàn ngành trung ương hoặc công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác. 4. Nhiệm vụ, quyền hạn a. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chỉ đạo của Tổng Liên đoàn và nghị quyết đại hội công đoàn tỉnh, thành phố; triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương. b. Đại diện, chăm lo và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động trên địa bàn. - Tham gia với cấp uỷ đảng, cơ quan nhà nước tỉnh, thành phố về các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề có liên quan đến đời sống, việc làm và điều kiện làm việc của người lao động trên địa bàn; tổ chức phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội. - Nghiên cứu tham gia xây dựng pháp luật, các chế độ, chính sách lao động, tiền lương, an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến người lao động; tham gia cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh. c. Chủ động hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan	động có công ty con, chi nhánh doanh nghiệp, phân hiệu trường hoạt động ở địa bàn tỉnh, thành phố khác. 3. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập và chỉ đạo trực tiếp các liên đoàn lao động cấp huyện, công đoàn ngành địa phương, công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn tổng công ty (thuộc tỉnh, thành phố) và công đoàn cơ sở trong các đơn vị sử dụng lao động trực thuộc bộ, ban, ngành trung ương không có công đoàn ngành trung ương hoặc công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác. 4. Nhiệm vụ, quyền hạn a. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chỉ đạo của Tổng Liên đoàn và nghị quyết đại hội công đoàn tỉnh, thành phố; triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương. b. Đại diện, chăm lo và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động trên địa bàn. - Tham gia với cấp uỷ đảng, cơ quan nhà nước tỉnh, thành phố về các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề có liên quan đến đời sống, việc làm và điều kiện làm việc của đoàn viên, người lao động trên địa bàn; tổ chức phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội. - Nghiên cứu tham gia xây dựng pháp luật, các chế độ, chính sách lao động, tiền lương, an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến đoàn viên, người lao động; tham gia cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh. c. Chủ động hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động trong các đơn vị sử dụng lao

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động trong các đơn vị sử dụng lao động; hướng dẫn và chỉ đạo giải quyết tranh chấp lao động, tham gia điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong các doanh nghiệp trên địa bàn. d. Chỉ đạo liên đoàn lao động cấp huyện, công đoàn ngành địa phương, công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn tổng công ty trực thuộc và công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác thực hiện nhiệm vụ theo quy định. đ. Phối hợp hướng dẫn, chỉ đạo các công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn ngành trung ương và công đoàn cấp trên khác đóng trên địa bàn các hoạt động theo ngành, nghề; triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương. e. Vận động đoàn viên và người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức pháp luật, rèn luyện tác phong và kỹ năng nghề nghiệp; quản lý và tổ chức các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, các cơ sở văn hoá công nhân, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giới thiệu việc làm và các trung tâm tư vấn - hỗ trợ người lao động của công đoàn theo quy định của Nhà nước và tổ chức Công đoàn. g. Thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý; phối hợp với cấp ủy cấp huyện và tương đương trong việc sắp xếp, bố trí, đề bạt cán bộ theo phân cấp. h. Hướng dẫn, chỉ đạo đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới; phát triển đoàn viên, quản lý đoàn viên; đánh giá, xếp loại tổ chức công đoàn hằng năm theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. i. Thực hiện công tác đối ngoại theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. k. Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công	động; hướng dẫn và chỉ đạo giải quyết tranh chấp lao động, tham gia điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong các doanh nghiệp trên địa bàn. d. Chỉ đạo liên đoàn lao động cấp huyện, công đoàn ngành địa phương, công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn tổng công ty trực thuộc và công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác thực hiện nhiệm vụ theo quy định. đ. Phối hợp hướng dẫn, chỉ đạo các công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn ngành trung ương và công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác đóng trên địa bàn các hoạt động theo ngành, nghề; triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương. e. Vận động đoàn viên và người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức pháp luật, rèn luyện tác phong và kỹ năng nghề nghiệp; quản lý và tổ chức các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, <i>các thiết chế văn hóa, thể thao của tổ chức Công đoàn</i>, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giới thiệu việc làm và các trung tâm tư vấn - hỗ trợ người lao động của công đoàn theo quy định của Nhà nước và <i>Tổng Liên đoàn</i>. g. Thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ <i>công đoàn</i> và thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý; phối hợp với cấp ủy cấp huyện và tương đương trong việc sắp xếp, bố trí, đề bạt cán bộ theo phân cấp. h. Hướng dẫn, chỉ đạo đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới; <i>chỉ đạo</i> phát triển đoàn viên, quản lý đoàn viên; đánh giá, xếp loại <i>chất lượng</i> tổ chức công đoàn hằng năm theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. i. Thực hiện công tác đối ngoại theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. k. Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công đoàn theo quy định của pháp luật Nhà nước. <i>l. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.</i>

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
đoàn theo quy định của pháp luật Nhà nước.	
Điều 20. Công đoàn ngành trung ương 1. Công đoàn ngành trung ương tổ chức theo ngành, nghề, có phạm vi toàn quốc do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quyết định thành lập hoặc giải thể phù hợp với đặc điểm của ngành, nghề. 2. Đối tượng tập hợp của công đoàn ngành trung ương là đoàn viên, người lao động trong các đơn vị sử dụng lao động thuộc ngành. Trường hợp trong một bộ có nhiều công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn, thực hiện theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. 3. Công đoàn ngành trung ương quyết định thành lập, giải thể, trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động của công đoàn tổng công ty, tập đoàn, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác và công đoàn cơ sở thuộc ngành theo quy định. 4. Nhiệm vụ, quyền hạn a. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn. Triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của công đoàn cấp trên và nghị quyết đại hội công đoàn cùng cấp đến các tổ chức công đoàn, đoàn viên và người lao động thuộc phạm vi quản lý. b. Đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động thuộc ngành; đại diện người lao động thương lượng, ký thoả ước lao động tập thể ngành. c. Tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội: - Nghiên cứu tham gia với bộ, ngành về chiến lược phát triển của ngành,	Điều 30. Công đoàn ngành trung ương 1. Công đoàn ngành trung ương tổ chức theo ngành, nghề, có phạm vi toàn quốc do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quyết định thành lập hoặc giải thể phù hợp với đặc điểm của ngành, nghề. 2. Đối tượng tập hợp của công đoàn ngành trung ương là đoàn viên, người lao động trong các đơn vị sử dụng lao động cùng ngành, nghề trên phạm vi cả nước. Trường hợp trong một bộ có nhiều công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn, thực hiện theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. 3. Công đoàn ngành trung ương quyết định thành lập, giải thể, trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động của công đoàn tổng công ty, tập đoàn, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác và công đoàn cơ sở cùng ngành theo quy định. 4. Nhiệm vụ, quyền hạn a. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn. Triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của công đoàn cấp trên và nghị quyết đại hội công đoàn cùng cấp đến các tổ chức công đoàn, đoàn viên và người lao động thuộc phạm vi quản lý. b. Đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động thuộc ngành; đại diện người lao động thương lượng, ký thoả ước lao động tập thể ngành. c. Tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội: - Nghiên cứu tham gia với bộ, ngành về chiến lược phát triển của ngành, gắn với việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công nhân lao động trong ngành. - Nghiên cứu tham gia xây dựng pháp luật, các chế độ, chính sách lao động, tiền

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
gắn với việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công nhân lao động trong ngành. - Nghiên cứu tham gia xây dựng pháp luật, các chế độ, chính sách lao động, tiền lương, an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến người lao động cùng ngành, nghề; tham gia cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và công đoàn các cấp kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích của đoàn viên và người lao động thuộc ngành; tham gia các hội đồng của ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến đoàn viên và người lao động; kiến nghị với cơ quan nhà nước sửa đổi, bổ sung và giải quyết những chế độ, chính sách ngành, nghề đáp ứng yêu cầu phát triển ngành. - Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và công đoàn các cấp có liên quan hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội phù hợp với đặc điểm ngành. d. Nghiên cứu, đề xuất với Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp thuộc công đoàn ngành; hướng dẫn chỉ đạo đại hội công đoàn cấp dưới; thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ theo phân cấp. đ. Hướng dẫn, chỉ đạo công đoàn cấp dưới: - Triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, công đoàn cấp trên và nghị quyết đại hội công đoàn ngành trung ương. - Đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; thương lượng, ký thoả ước lao động tập thể. - Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật liên quan đến đoàn viên và người lao động, vận động đoàn viên, người lao động nâng cao trình độ, nghề nghiệp; tổ chức phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội phù hợp	lương, an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến người lao động cùng ngành, nghề; tham gia cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và công đoàn các cấp kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích của đoàn viên và người lao động thuộc ngành; tham gia các hội đồng của ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến đoàn viên và người lao động; kiến nghị với cơ quan nhà nước sửa đổi, bổ sung và giải quyết những chế độ, chính sách ngành, nghề đáp ứng yêu cầu phát triển ngành. - Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và công đoàn các cấp có liên quan hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội phù hợp với đặc điểm ngành. d. Nghiên cứu, đề xuất với Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp thuộc công đoàn ngành; hướng dẫn chỉ đạo đại hội công đoàn cấp dưới; thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ theo phân cấp. đ. Hướng dẫn, chỉ đạo công đoàn cấp dưới: - Triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, công đoàn cấp trên và nghị quyết đại hội công đoàn ngành trung ương. - Đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; thương lượng, ký thoả ước lao động tập thể. - Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật liên quan đến đoàn viên và người lao động, vận động đoàn viên, người lao động nâng cao trình độ, nghề nghiệp; tổ chức phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội phù hợp với đặc điểm ngành; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh. e. Chủ động phối hợp với các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố xây dựng quy chế phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn ngành địa phương thực hiện các nội dung về chế độ, chính sách lao động ngành; tuyên truyền, giáo dục truyền thống

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
với đặc điểm ngành; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh. e. Chủ động phối hợp với các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố xây dựng quy chế phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn ngành địa phương thực hiện các nội dung về chế độ, chính sách lao động ngành; tuyên truyền, giáo dục truyền thống ngành; phương hướng nhiệm vụ phát triển ngành; thành lập công đoàn trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước cùng ngành; phối hợp chỉ đạo các công đoàn trực thuộc công đoàn ngành đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố tổ chức các hoạt động thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương; chăm lo lợi ích, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại doanh nghiệp. g. Chỉ đạo phát triển đoàn viên, quản lý đoàn viên, vận động thành lập công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp cùng ngành. Đánh giá, xếp loại tổ chức công đoàn hằng năm theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. h. Thực hiện công tác đối ngoại theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. i. Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công đoàn theo quy định của pháp luật Nhà nước.	ngành; phương hướng nhiệm vụ phát triển ngành; thành lập công đoàn trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước cùng ngành; phối hợp chỉ đạo các công đoàn trực thuộc công đoàn ngành đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố tổ chức các hoạt động thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương; chăm lo lợi ích, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp. g. Chỉ đạo trực tiếp hoặc phối hợp với các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố chỉ đạo phát triển đoàn viên, quản lý đoàn viên, vận động thành lập công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp cùng ngành. Đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức công đoàn hằng năm theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. h. Thực hiện công tác đối ngoại theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn. i. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn. <i>k. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.</i>

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
Điều 21. Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam 1. Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam là công đoàn ngành trung ương thuộc hệ thống tổ chức Công đoàn Việt Nam. 2. Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam tập hợp những cán bộ, công nhân viên chức quốc phòng, người lao động đang làm việc, hưởng lương trong các doanh nghiệp, đơn vị cơ sở trong Quân đội nhân dân Việt Nam. 3. Tổ chức và hoạt động công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quy định sau khi thống nhất với cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng trên nguyên tắc bảo đảm đúng các quy định của Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn Việt Nam.	Điều 31. Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam 1. Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam là công đoàn ngành trung ương thuộc hệ thống tổ chức Công đoàn Việt Nam. 2. Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam tập hợp những cán bộ, công nhân viên chức quốc phòng, người lao động đang làm việc, hưởng lương trong các <i>đơn vị cơ sở, doanh nghiệp</i> trong Quân đội nhân dân Việt Nam. 3. Tổ chức và hoạt động công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quy định sau khi thống nhất với cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng trên nguyên tắc bảo đảm đúng các quy định của Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn Việt Nam. <i>4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.</i>
Điều 22. Công đoàn Công an nhân dân Việt Nam 1. Công đoàn Công an nhân dân Việt Nam (<i>sau đây gọi tắt là Công đoàn Công an nhân dân</i>) là công đoàn ngành trung ương thuộc hệ thống tổ chức của Công đoàn Việt Nam. 2. Công đoàn Công an nhân dân tập hợp cán bộ, công nhân, <i>viên chức</i>, lao động đang làm việc, hưởng lương trong các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị khoa học - kỹ thuật, sự nghiệp và phục vụ trong Công an nhân dân. 3. Tổ chức và hoạt động của Công đoàn Công an nhân dân do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quy định sau khi thống nhất với <i>cơ quan có thẩm quyền của</i> Bộ Công an trên nguyên tắc bảo đảm đúng các quy định của Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn Việt Nam.	Điều 32. Công đoàn trong Công an nhân dân Việt Nam 1. Công đoàn <i>trong</i> Công an nhân dân Việt Nam là công đoàn ngành trung ương thuộc hệ thống tổ chức của Công đoàn Việt Nam. 2. Công đoàn <i>trong</i> Công an nhân dân <i>Việt Nam</i> tập hợp cán bộ, công nhân, lao động đang làm việc, hưởng lương trong các <i>cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đơn vị</i> khoa học - kỹ thuật, sự nghiệp và phục vụ trong Công an nhân dân <i>Việt Nam</i>. 3. Tổ chức và hoạt động của Công đoàn <i>trong</i> Công an nhân dân <i>Việt Nam</i> do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quy định sau khi thống nhất với Bộ Công an trên nguyên tắc bảo đảm đúng các quy định của Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn Việt Nam. <i>4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.</i>
Chương VI TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM	Chương VI TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam 1. Quyết định chương trình, nội dung hoạt động của công đoàn nhằm thực hiện

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
1. Quyết định chương trình, nội dung hoạt động của công đoàn nhằm thực hiện nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam và các nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam; chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động của các cấp công đoàn. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Chỉ đạo công tác nghiên cứu lý luận công đoàn, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân và hoạt động công đoàn. 2. Tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật về kinh tế - xã hội, lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, an toàn, vệ sinh lao động và chính sách, pháp luật khác có liên quan đến người lao động và tổ chức công đoàn, quyền, nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật; tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học về lao động, công đoàn, an toàn, vệ sinh lao động; tham gia các uỷ ban, hội đồng, ban chỉ đạo quốc gia về các vấn đề có liên quan đến người lao động. 3. Phối hợp với các cơ quan của Đảng, cơ quan của Nhà nước, doanh nghiệp, trong việc bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, chính trị, chuyên môn, nghề nghiệp cho đoàn viên và người lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở trung ương tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, tiến hành giám sát, phản biện xã hội và các hoạt động xã hội trong đoàn viên và người lao động. 4. Quyết định phương hướng, biện pháp về công tác tổ chức, cán bộ; xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy, tiêu chuẩn chức danh cán bộ công đoàn; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ chuyên trách công đoàn theo phân cấp quản lý. 5. Hướng dẫn, chỉ đạo các hoạt động đại diện, chăm lo, bảo vệ đoàn viên và người lao động, các phong trào thi đua yêu nước và hoạt động văn hoá, thể	ng nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam và các nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam; chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động của các cấp công đoàn. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Chỉ đạo công tác nghiên cứu lý luận công đoàn, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân và hoạt động công đoàn. 2. Tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật về kinh tế - xã hội, lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, an toàn, vệ sinh lao động và chính sách, pháp luật khác có liên quan đến người lao động và tổ chức công đoàn, quyền, nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật; tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học về lao động, công đoàn, an toàn, vệ sinh lao động; tham gia các uỷ ban, hội đồng, ban chỉ đạo quốc gia về các vấn đề có liên quan đến người lao động. 3. Phối hợp với các cơ quan của Đảng, cơ quan của Nhà nước, doanh nghiệp, trong việc bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, chính trị, chuyên môn, nghề nghiệp cho đoàn viên và người lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở trung ương tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, tiến hành giám sát, phản biện xã hội và các hoạt động xã hội trong đoàn viên và người lao động. 4. Quyết định phương hướng, biện pháp về công tác tổ chức, cán bộ; xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy, tiêu chuẩn chức danh cán bộ công đoàn; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ chuyên trách công đoàn theo phân cấp quản lý. 5. Hướng dẫn, chỉ đạo các hoạt động đại diện, chăm lo, bảo vệ đoàn viên và người lao động, các phong trào thi đua yêu nước và hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch của công đoàn các cấp. 6. Ban hành quy định khung về nội dung, phương thức thực hiện mối quan hệ tương tác giữa công đoàn ngành trung ương và tương đương với liên đoàn lao động

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
thao, du lịch của công đoàn các cấp. 6. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các tổ chức công đoàn các nước, các tổ chức quốc tế theo đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. 7. Thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản; hướng dẫn, chỉ đạo công tác quản lý tài chính, tài sản và các hoạt động kinh tế công đoàn; thông qua quyết toán, dự toán tài chính công đoàn hằng năm theo quy định của pháp luật Nhà nước.	<i>cấp tỉnh trong chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ, tư vấn hoạt động công đoàn theo ngành nghề trên địa bàn tỉnh, thành phố.</i> 7. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các tổ chức công đoàn các nước, các tổ chức quốc tế theo đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. 8. Thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản; hướng dẫn, chỉ đạo công tác quản lý tài chính, tài sản và các hoạt động kinh tế công đoàn; thông qua quyết toán, dự toán tài chính công đoàn hằng năm theo quy định của pháp luật Nhà nước.
Chương VII CÔNG TÁC NỮ CÔNG	Chương VII CÔNG TÁC NỮ CÔNG
Điều 24. Công tác nữ công Công tác nữ công là nhiệm vụ của ban chấp hành công đoàn mỗi cấp, nhằm phát huy vai trò và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của lao động nữ theo quy định của pháp luật.	Điều 34. Công tác nữ công 1. Công tác nữ công là nhiệm vụ của ban chấp hành công đoàn mỗi cấp, nhằm phát huy vai trò và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của <i>đoàn viên nữ, lao động nữ</i> theo quy định của <i>Đảng, Nhà nước và tổ chức công đoàn</i>. <i>2. Công đoàn các cấp được lập ban nữ công hoặc được bố trí cán bộ làm công tác nữ công theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.</i>
Điều 25. Ban nữ công công đoàn 1. Ban nữ công công đoàn có nhiệm vụ tham mưu giúp ban chấp hành công đoàn cùng cấp: Tham gia xây dựng và thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật liên quan đến lao động nữ; về giới, bình đẳng giới, vì sự phát triển của phụ nữ; công tác cán bộ nữ, dân số, sức khỏe sinh sản; công tác gia đình, trẻ em; tổ chức các phong trào trong nữ đoàn viên công đoàn; đại diện tham gia giải quyết các vấn đề có liên quan trực tiếp đến lao động nữ và trẻ em; thực hiện lồng ghép các hoạt động của hội phụ nữ với hoạt động nữ công công đoàn.	Điều 35. Nhiệm vụ công tác nữ công 1. Tham gia xây dựng, <i>kiểm tra, giám sát</i> thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật liên quan đến lao động nữ; về giới, bình đẳng giới, vì sự phát triển của phụ nữ; công tác cán bộ nữ, dân số, sức khỏe sinh sản; công tác gia đình, trẻ em. 2. Tổ chức các phong trào trong đoàn viên nữ, <i>lao động nữ</i>. 3. Đại diện tham gia giải quyết các vấn đề có liên quan trực tiếp đến <i>đoàn viên nữ, lao động nữ</i> và trẻ em. 4. Thực hiện lồng ghép các hoạt động của hội <i>liên hiệp</i> phụ nữ với hoạt động nữ công công đoàn.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
2. Khi có đủ điều kiện theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, Tổng Liên đoàn, liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành Trung ương và tương đương được thành lập, chỉ đạo ban nữ công (ban nghiệp vụ) và bố trí cán bộ làm công tác nữ công. 3. Ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, công đoàn cơ sở được thành lập và chỉ đạo hoạt động ban nữ công quản chúng.	
Chương VIII TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CÔNG ĐOÀN	Chương VIII TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CÔNG ĐOÀN
Điều 26. Tài chính công đoàn 1. Công đoàn thực hiện quản lý, sử dụng tài chính theo quy định của pháp luật. Tài chính của công đoàn gồm các nguồn thu sau đây: a. Đoàn phí công đoàn do đoàn viên đóng hằng tháng bằng một phần trăm (1%) tiền lương. b. Kinh phí công đoàn do đơn vị sử dụng lao động đóng theo quy định của pháp luật. c. Ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ. d. Các nguồn thu khác: Thu từ hoạt động kinh tế của công đoàn, các hoạt động văn hóa, thể thao; các đề tài, đề án do Nhà nước giao; từ viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. 2. Tài chính công đoàn dùng để chi các khoản sau đây: a. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động. b. Tổ chức hoạt động đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động.	Điều 36. Tài chính công đoàn 1. Công đoàn thực hiện quản lý, sử dụng tài chính theo quy định của pháp luật. Tài chính của công đoàn gồm các nguồn thu sau đây: a. Đoàn phí công đoàn do đoàn viên đóng hằng tháng bằng một phần trăm (1%) tiền lương. b. Kinh phí công đoàn do đơn vị sử dụng lao động đóng theo quy định của pháp luật. c. Ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ. d. Các nguồn thu khác: Thu từ hoạt động kinh tế của công đoàn, các hoạt động văn hóa, thể thao; các đề tài, đề án do Nhà nước giao; từ viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. 2. Tài chính công đoàn dùng để chi các khoản sau đây: a. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động. b. Tổ chức hoạt động đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động. c. Phát triển đoàn viên công đoàn, thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
c. Phát triển đoàn viên công đoàn, thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh. d. Tổ chức phong trào thi đua do công đoàn phát động. đ. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn; đào tạo, bồi dưỡng người lao động ưu tú tạo nguồn cán bộ cho Đảng, Nhà nước và tổ chức Công đoàn. e. Tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch cho người lao động. g. Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn để phục vụ đoàn viên công đoàn và người lao động. h. Tổ chức hoạt động về giới và bình đẳng giới. i. Thăm hỏi, trợ cấp đoàn viên công đoàn và người lao động khi ốm đau, thai sản, hoạn nạn, khó khăn; tổ chức hoạt động chăm lo khác cho người lao động. k. Động viên, khen thưởng người lao động, con của người lao động có thành tích trong học tập, công tác. l. Trả lương cán bộ công đoàn chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn không chuyên trách. m. Chi hoạt động của bộ máy công đoàn các cấp. n. Các nhiệm vụ chi khác. 3. Quản lý tài chính công đoàn a. Tài chính công đoàn được quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch. Thực hiện phân cấp quản lý, gắn quyền hạn với trách nhiệm của công đoàn các cấp. b. Ban chấp hành, Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ công đoàn các cấp có nhiệm vụ quản lý tài chính theo đúng quy định của pháp luật Nhà nước.	d. Tổ chức phong trào thi đua do công đoàn phát động. đ. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn; đào tạo, bồi dưỡng người lao động ưu tú tạo nguồn cán bộ cho Đảng, Nhà nước và tổ chức Công đoàn. e. Tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch cho người lao động. g. Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn để phục vụ đoàn viên công đoàn và người lao động. h. Tổ chức hoạt động <i>chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên nữ, lao động nữ, về giới và bình đẳng giới, dân số, gia đình, trẻ em.</i> i. Thăm hỏi, trợ cấp đoàn viên công đoàn và người lao động khi ốm đau, thai sản, hoạn nạn, khó khăn; tổ chức hoạt động chăm lo khác cho người lao động. k. Động viên, khen thưởng người lao động, con của người lao động có thành tích trong học tập, công tác. l. Trả lương cán bộ công đoàn chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn không chuyên trách. m. Chi hoạt động của bộ máy công đoàn các cấp. n. Các nhiệm vụ chi khác. 3. Quản lý tài chính công đoàn a. Tài chính công đoàn được quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch. Thực hiện phân cấp quản lý, gắn quyền hạn với trách nhiệm của công đoàn các cấp. b. Ban chấp hành, Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ công đoàn các cấp có nhiệm vụ quản lý tài chính theo đúng quy định của pháp luật Nhà nước. 4. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quy định chi tiết Điều này.
Điều 27. Tài sản của Công đoàn 1. Tài sản được hình thành từ nguồn đóng góp của đoàn viên công đoàn,	Điều 37. Tài sản của Công đoàn 1. Tài sản được hình thành từ nguồn đóng góp của đoàn viên công đoàn, từ

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
từ nguồn vốn của công đoàn; tài sản do Nhà nước chuyển giao quyền sở hữu cho công đoàn và các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật. 2. Tổng Liên đoàn <i>Lao động Việt Nam</i> thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật. 3. Công đoàn các cấp được Tổng Liên đoàn giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng các tài sản; chịu trách nhiệm trước Tổng Liên đoàn và trước pháp luật về việc sử dụng, quản lý các tài sản đó.	nguồn vốn của công đoàn; tài sản do Nhà nước chuyển giao quyền sở hữu cho công đoàn và các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật. 2. Tổng Liên đoàn thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật. 3. Công đoàn các cấp được Tổng Liên đoàn giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng các tài sản; chịu trách nhiệm trước Tổng Liên đoàn và trước pháp luật về việc sử dụng, quản lý các tài sản đó. 4. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quy định chi tiết Điều này.
Chương IX CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CÔNG ĐOÀN VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN CÁC CẤP	Chương IX CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CÔNG ĐOÀN VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN CÁC CẤP
Điều 28. Công tác kiểm tra, giám sát Kiểm tra, giám sát của công đoàn là nhiệm vụ của ban chấp hành công đoàn mỗi cấp, nhằm đảm bảo thực hiện Điều lệ, nghị quyết và các quy định của tổ chức công đoàn. Mỗi cấp công đoàn phải tổ chức, tiến hành kiểm tra, giám sát ở cấp mình và chịu sự kiểm tra, giám sát của công đoàn cấp trên.	Điều 38. Công tác kiểm tra, giám sát Kiểm tra, giám sát của công đoàn là nhiệm vụ của ban chấp hành công đoàn mỗi cấp, nhằm đảm bảo thực hiện Điều lệ, nghị quyết và các quy định của tổ chức công đoàn. Mỗi cấp công đoàn phải tổ chức, tiến hành kiểm tra, giám sát ở cấp mình và chịu sự kiểm tra, giám sát của công đoàn cấp trên.
Điều 29. Ủy ban kiểm tra công đoàn 1. Ủy ban kiểm tra là cơ quan kiểm tra, giám sát của công đoàn do ban chấp hành công đoàn cùng cấp bầu ra và phải được công đoàn cấp trên trực tiếp công nhận. 2. Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chịu sự lãnh đạo của ban chấp hành công đoàn cùng cấp và hướng dẫn, chỉ đạo của ủy ban kiểm tra công đoàn cấp trên. Ủy ban kiểm tra công đoàn chịu trách nhiệm trước ban chấp hành công đoàn cùng cấp về kết quả kiểm tra, giám sát do ủy ban kiểm tra công đoàn tổ chức thực hiện.	Điều 39. Ủy ban kiểm tra công đoàn 1. Ủy ban kiểm tra là cơ quan kiểm tra, giám sát của công đoàn do ban chấp hành công đoàn cùng cấp bầu ra và phải được công đoàn cấp trên trực tiếp công nhận. 2. Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chịu sự lãnh đạo của ban chấp hành công đoàn cùng cấp và hướng dẫn, chỉ đạo của ủy ban kiểm tra công đoàn cấp trên. Ủy ban kiểm tra công đoàn chịu trách nhiệm trước ban chấp hành công đoàn cùng cấp về kết quả kiểm tra, giám sát do ủy ban kiểm tra công đoàn tổ chức thực hiện. 3. Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra do ban chấp hành công đoàn cùng cấp quyết

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
3. Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra do ban chấp hành công đoàn cùng cấp quyết định, gồm một số ủy viên trong ban chấp hành và một số ủy viên ngoài ban chấp hành; số lượng ủy viên ban chấp hành công đoàn cùng cấp tham gia ủy ban kiểm tra không vượt quá một phần ba (1/3) tổng số ủy viên ủy ban kiểm tra. 4. Nguyên tắc, thể lệ và hình thức bầu cử ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra như bầu cử ban chấp hành và các chức danh trong ban chấp hành công đoàn, trong đó: a. Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn cấp nào, do ban chấp hành công đoàn cấp đó bầu, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do ủy ban kiểm tra bầu. b. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở có dưới 30 đoàn viên thì 01 01 ủy viên ban chấp hành công đoàn làm công tác kiểm tra. 5. Khi mới thành lập, chia tách, sáp nhập, nâng cấp tổ chức công đoàn, công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định ủy ban kiểm tra và các chức danh trong ủy ban kiểm tra lâm thời. 6. Nhiệm kỳ của ủy ban kiểm tra công đoàn theo nhiệm kỳ của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. 7. Ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp khi nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc, thôi không là cán bộ công đoàn chuyên trách hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác mà không thuộc cơ cấu tham gia ủy ban kiểm tra công đoàn thì đương nhiên thôi ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn, kể từ thời điểm nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc, thôi không là cán bộ công đoàn chuyên trách hoặc chuyển công tác ghi trong quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền. 8. Khi khuyết ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn cấp nào, ban chấp hành công đoàn cấp đó bầu bổ sung hoặc do công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định.	định, gồm một số ủy viên trong ban chấp hành và một số ủy viên ngoài ban chấp hành; số lượng ủy viên ban chấp hành công đoàn cùng cấp tham gia ủy ban kiểm tra không vượt quá một phần ba (1/3) tổng số ủy viên ủy ban kiểm tra. 4. Nguyên tắc, thể lệ và hình thức bầu cử ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra như bầu cử ban chấp hành và các chức danh trong ban chấp hành công đoàn, trong đó: a. Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn cấp nào, do ban chấp hành công đoàn cấp đó bầu, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do ủy ban kiểm tra bầu. b. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở có dưới 30 đoàn viên thì chỉ định 01 ủy viên ban chấp hành công đoàn làm công tác kiểm tra. 5. Khi thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức công đoàn, công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định ủy ban kiểm tra và các chức danh trong ủy ban kiểm tra. Thời gian hoạt động của ủy ban kiểm tra và các chức danh ủy ban kiểm tra thực hiện như quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này. 6. Nhiệm kỳ của ủy ban kiểm tra công đoàn theo nhiệm kỳ của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. 7. Ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp khi nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc, thôi không là cán bộ công đoàn chuyên trách hoặc chuyển công tác mà không thuộc cơ cấu tham gia ủy ban kiểm tra công đoàn thì đương nhiên thôi ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn, kể từ thời điểm nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc, thôi không là cán bộ công đoàn chuyên trách hoặc chuyển công tác ghi trong quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền. 8. Khi khuyết ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn cấp nào, ban chấp hành công đoàn cấp đó bầu bổ sung hoặc do công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định.
Điều 30. Nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp 1. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam đối	Điều 40. Nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp 1. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam đối với tổ

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
với tổ chức công đoàn cùng cấp và cấp dưới. 2. Kiểm tra, giám sát và kiến nghị xử lý kịp thời khi tổ chức, cán bộ, đoàn viên công đoàn cùng cấp và cấp dưới có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Công đoàn Việt Nam, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của công đoàn. 3. Kiểm tra, giám sát việc thu, phân phối, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, hoạt động kinh tế của công đoàn cùng cấp và công đoàn cấp dưới theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn. 4. Giám sát tổ chức công đoàn, ủy viên ban chấp hành, cán bộ công đoàn cùng cấp và cấp dưới về thực hiện Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quyết định và các quy định, quy chế của tổ chức công đoàn và quy định của Đảng, Nhà nước. 5. Tham mưu, xử lý kỷ luật tổ chức công đoàn, cán bộ, đoàn viên công đoàn cùng cấp và cấp dưới khi có vi phạm theo quy định. 6. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của tổ chức công đoàn; tham gia với các cơ quan chức năng nhà nước và người sử dụng lao động giải quyết khiếu nại, tố cáo của đoàn viên, người lao động theo quy định của pháp luật. 7. Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát của công đoàn đối với ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp và cấp dưới.	chức công đoàn cùng cấp và cấp dưới. 2. Kiểm tra, giám sát và kiến nghị xử lý kịp thời khi tổ chức, cán bộ, đoàn viên công đoàn cùng cấp và cấp dưới có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Công đoàn Việt Nam, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của công đoàn. 3. Kiểm tra, giám sát việc thu, phân phối, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, hoạt động kinh tế của công đoàn cùng cấp và công đoàn cấp dưới theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn. 4. Giám sát tổ chức công đoàn, ủy viên ban chấp hành, cán bộ công đoàn cùng cấp và cấp dưới về thực hiện Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quyết định và các quy định, quy chế của tổ chức công đoàn và quy định của Đảng, Nhà nước. 5. Tham mưu, xử lý kỷ luật tổ chức công đoàn, cán bộ, đoàn viên công đoàn cùng cấp và cấp dưới khi có vi phạm theo quy định. 6. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của tổ chức công đoàn; tham gia với các cơ quan chức năng nhà nước và người sử dụng lao động giải quyết khiếu nại, tố cáo của đoàn viên, người lao động theo quy định của pháp luật. 7. Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát của công đoàn đối với ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp và cấp dưới.
Điều 31. Quyền của ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp 1. Ủy ban kiểm tra công đoàn có quyền kiểm tra, giám sát tổ chức công đoàn, ủy viên ban chấp hành công đoàn, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn cùng cấp và cấp dưới về thực hiện Điều lệ, nghị quyết và các quy định của tổ chức công đoàn, quy định của Đảng, Nhà nước. 2. Ủy ban kiểm tra công đoàn được xem xét, quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, đoàn viên công đoàn khi có vi phạm theo thẩm quyền quy định xử lý kỷ luật trong tổ chức công đoàn. 3. Ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn được học tập, bồi dưỡng, nâng	Điều 41. Quyền của ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp 1. Ủy ban kiểm tra công đoàn có quyền kiểm tra, giám sát tổ chức công đoàn, ủy viên ban chấp hành công đoàn, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn cùng cấp và cấp dưới về thực hiện Điều lệ, nghị quyết và các quy định của tổ chức công đoàn, quy định của Đảng, Nhà nước. 2. Ủy ban kiểm tra công đoàn được xem xét, quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, đoàn viên công đoàn khi có vi phạm theo thẩm quyền quy định xử lý kỷ luật trong tổ chức công đoàn. 3. Ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn được học tập, bồi dưỡng, nâng cao

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
cao nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát công đoàn; được mời dự các hội nghị của ban chấp hành và đại hội, hội nghị công đoàn cùng cấp. 4. Báo cáo với ban chấp hành công đoàn cùng cấp về hoạt động kiểm tra, giám sát công đoàn và đề xuất các nội dung, chương trình công tác của uỷ ban kiểm tra công đoàn trong các hội nghị thường kỳ của ban chấp hành công đoàn. 5. Yêu cầu tổ chức công đoàn và người chịu trách nhiệm của tổ chức công đoàn, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn được kiểm tra, giám sát có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các tài liệu cho công tác kiểm tra, giám sát và trả lời những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát. 6. Báo cáo kết luận kiểm tra, giám sát và đề xuất các hình thức xử lý với cơ quan thường trực của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. Những kiến nghị của uỷ ban kiểm tra công đoàn không được cơ quan thường trực ban chấp hành công đoàn cùng cấp giải quyết, thì uỷ ban kiểm tra công đoàn có quyền báo cáo với ban chấp hành công đoàn cùng cấp và báo cáo lên uỷ ban kiểm tra công đoàn cấp trên. 7. Uỷ ban kiểm tra công đoàn cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở được sử dụng con dấu của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. Uỷ ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn và uỷ ban kiểm tra liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương được sử dụng con dấu riêng, theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.	ng nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát công đoàn; được mời dự các hội nghị của ban chấp hành và đại hội, hội nghị công đoàn cùng cấp. 4. Báo cáo với ban chấp hành công đoàn cùng cấp về hoạt động kiểm tra, giám sát công đoàn và đề xuất các nội dung, chương trình công tác của uỷ ban kiểm tra công đoàn trong các hội nghị thường kỳ của ban chấp hành công đoàn. 5. Yêu cầu tổ chức công đoàn và người chịu trách nhiệm của tổ chức công đoàn, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn được kiểm tra, giám sát có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các tài liệu cho công tác kiểm tra, giám sát và trả lời những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát. 6. Báo cáo kết luận kiểm tra, giám sát và đề xuất các hình thức xử lý với cơ quan thường trực của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. Những kiến nghị của uỷ ban kiểm tra công đoàn không được cơ quan thường trực ban chấp hành công đoàn cùng cấp giải quyết, thì uỷ ban kiểm tra công đoàn có quyền báo cáo với ban chấp hành công đoàn cùng cấp và báo cáo lên uỷ ban kiểm tra công đoàn cấp trên. 7. Uỷ ban kiểm tra công đoàn cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở được sử dụng con dấu của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. Uỷ ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn và uỷ ban kiểm tra liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, <i>công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn</i> được sử dụng con dấu riêng, theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.
Chương X KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT	Chương X KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT
Điều 32. Khen thưởng Tổ chức công đoàn, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn, những tập thể và cá nhân có thành tích được xét khen thưởng theo quy định của Tổng Liên đoàn.	Điều 42. Khen thưởng Tổ chức công đoàn, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn, những tập thể và cá nhân có thành tích được xét khen thưởng theo quy định của Tổng Liên đoàn.

ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XII	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CĐVN KHÓA XIII
Điều 33. Kỷ luật 1. Tổ chức công đoàn, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quy định của Tổng Liên đoàn, thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật công minh, chính xác và kịp thời. 2. Hình thức xử lý kỷ luật a. Đối với tổ chức công đoàn, tập thể ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp: khiển trách, cảnh cáo, giải tán. b. Đối với cán bộ công đoàn: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ. c. Đối với đoàn viên công đoàn: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ. 3. Thẩm quyền và thủ tục xử lý kỷ luật trong tổ chức công đoàn các cấp, thực hiện theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.	Điều 43. Kỷ luật 1. Tổ chức công đoàn, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quy định của Tổng Liên đoàn, thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật công minh, chính xác và kịp thời. 2. Hình thức xử lý kỷ luật a. Đối với tổ chức công đoàn, tập thể ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp: khiển trách, cảnh cáo, giải tán. b. Đối với cán bộ công đoàn: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ. c. Đối với đoàn viên công đoàn: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ. 3. Thẩm quyền và thủ tục xử lý kỷ luật trong tổ chức công đoàn các cấp, thực hiện theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.
Chương XI CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM	Chương XI CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM
Điều 34. Trách nhiệm thi hành Điều lệ 1. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam. 2. Tổ chức công đoàn, tập thể ban chấp hành, Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp; cán bộ công đoàn và đoàn viên công đoàn có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh Điều lệ Công đoàn Việt Nam.	Điều 44. Trách nhiệm thi hành Điều lệ 1. Tổ chức công đoàn <i>các cấp</i>, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh Điều lệ Công đoàn Việt Nam. 2. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam.
Điều 35. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ 1. Điều lệ Công đoàn Việt Nam do Đại hội Công đoàn Việt Nam thông qua. Chỉ Đại hội Công đoàn Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công đoàn Việt Nam. 2. Những vấn đề mới phát sinh chưa được quy định trong Điều lệ, giao Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn xem xét, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện thí điểm và báo cáo tại Đại hội Công đoàn Việt Nam để sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công đoàn Việt Nam cho phù hợp.	Điều 45. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ 1. Điều lệ Công đoàn Việt Nam do Đại hội Công đoàn Việt Nam thông qua. Chỉ Đại hội Công đoàn Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công đoàn Việt Nam. 2. Những vấn đề mới phát sinh chưa được quy định trong Điều lệ, giao Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn xem xét, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện thí điểm và báo cáo tại Đại hội Công đoàn Việt Nam để sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công đoàn Việt Nam cho phù hợp.